

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên: Võ Thị Ngọc Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN
QUẢNG NINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Võ Thị Ngọc Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Võ Thị Ngọc Hoa

Mã SV: 1112401368

Lớp: QT1501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh, sử dụng số liệu năm 2013.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh
 - Địa chỉ: Số 02 - Đường Hạ Long - TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 08 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 11 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Võ Thị Ngọc Hoa

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:.....
- Điểm chữ:.....điểm.

Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1. Lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	1
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	1
1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.3. Các khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3.1. Doanh thu:	2
1.1.3.2. Chi phí:	6
1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp.	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:	8
1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng.	8
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.....	12
1.2.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng.	13
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:	13
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:	14
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	15
1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	15
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng:	15
1.2.3.3: Phương pháp hạch toán	15
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng.	17
1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	17
1.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng.	17

1.2.4.3. Quy trình hạch toán.	18
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.	19
1.2.5.1: Chứng từ sử dụng:	19
1.2.5.2: Tài khoản sử dụng:	19
1.2.5.3: Phương pháp hạch toán:	19
1.2.6. Kế toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác.....	22
1.2.6.1: Chứng từ sử dụng:	22
1.2.6.2: Tài khoản kế toán sử dụng:	22
1.2.6.3: Phương pháp hạch toán	22
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.2.7.1 Chứng từ sử dụng:	25
1.2.7.2 Tài khoản kế toán sử dụng	25
1.2.7.3: Phương pháp hạch toán.	26
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.	28
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	28
1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái.....	29
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH.....	34
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.....	34
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.....	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.....	38
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.....	38
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.	39
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.	40
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	40

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	41
2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.	42
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	56
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.	56
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	56
2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.	56
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	62
2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng.	62
2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	62
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính.	72
2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	72
2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	72
2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.	78
2.2.6.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác.	78
2.2.6.2. Tổ chức kế toán chi phí khác.	78
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	84
2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	84
2.2.7.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.	85
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH.	93
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP cung ứng tàu biển Quảng Ninh.	93
3.1.1. Ưu điểm.	93
3.1.2. Hạn chế.	94
3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CTCP cung ứng tàu biển Quảng Ninh.	95
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả KD tại công ty.	95
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	95
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	95
3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.	96

3.3.1. Giải pháp lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho tài khoản 632 và tài khoản 511.	96
3.3.2. Giải pháp về việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	100
3.3.3. Giải pháp trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.	100
3.3.4. Giải pháp về việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại hoá công tác kế toán.....	101

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và phát triển vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với cả Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính ... Bởi vì nó cho ta thấy được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có tốt hay không, có đạt được mục tiêu là tăng doanh thu, giảm chi phí, tối đa hoá lợi nhuận như doanh nghiệp đó đã đề ra hay không? Đó cũng là mục tiêu hàng đầu của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh**” làm khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Phạm Văn Tường, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các cô chú phòng Tài chính kế toán của Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1. Lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .**

➤ **Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

❖ **Đối với doanh nghiệp:** Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Nắm và đánh giá được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối và tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Đưa ra được những chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh dựa trên những thông tin thu thập được.

❖ **Đối với Nhà nước:** Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng với Nhà nước:

- Dựa vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định kinh tế quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá để đề ra các giải pháp phù hợp phát triển kinh tế tầm vĩ mô tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.
- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đảm bảo doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả mà đảm bảo nguồn vốn Nhà nước không bị thất thoát.

❖ **Đối với nhà đầu tư:** Giúp các nhà đầu tư nắm bắt, phân tích và đánh giá tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư một cách chính xác và hiệu quả nhất.

❖ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:** Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp làm căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp vay vốn hay không.

❖ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ cho doanh nghiệp chậm thanh toán, ...

1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .

➤ **Vai trò.**

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho Ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho biết được trong kỳ kế toán đó công ty lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

➤ **Nhiệm vụ.**

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ kinh doanh nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.1.3. Các khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Doanh thu:

➤ **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu.

➤ **Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp

vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

+ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

+ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

+ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

➤ Các phương thức bán hàng:

+ Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

+ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

+ Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

+ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

+ Phương thức tiêu thụ nội bộ: Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn...

+ Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà DN đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

➤ Các loại doanh thu:

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu thêm ngoài giá bán.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận theo điều kiện sau

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn tức là đã xác định được tương đối chắc chắn về thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ do doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại, ...

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của

các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá ...

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ doanh thu} \end{array}$$

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2. Chi phí:

➤ Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động và vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định.

❖ Nguyên tắc xác định chi phí.

Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp: kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho, và phải áp dụng trong ít nhất một kỳ kế toán.

➤ Các loại chi phí:

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp và các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí về lương nhân viên bán hàng, quản lý

doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, ...

❖ **Chi phí khác:** là khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ, giá trị còn lại của thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, ...

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

➤ **Kết quả kinh doanh** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả sản} & & & & \text{Giá} \\ \text{xuất kinh doanh} & = & \text{Doanh thu thuần từ} & - & \text{vốn} & - & \text{Chi phí} \\ & & \text{BH và cung cấp DV} & & \text{HB} & & \text{QLDN} \end{array}$$

❖ **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động tài} & & & & & & \\ \text{chính} & = & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí tài} & & \\ & & \text{động tài chính} & - & \text{chính} & & \end{array}$$

❖ **Kết quả hoạt động khác:** là số chênh lệch giữa thu nhập khác và CP khác

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận trước} & & & & & & \\ \text{thuế} & = & \text{Kết quả hoạt} & + & \text{Kết quả hoạt} & + & \text{Kết quả} \\ & & \text{động sản xuất} & & \text{động tài} & & \text{hoạt động} \\ & & \text{kinh doanh} & & \text{chính} & & \text{khác} \\ \text{Lợi nhuận sau} & = & \text{Lợi nhuận trước thuế} & - & \text{Thuế thu nhập} & & \\ \text{thuế} & & & & \text{DN} & & \end{array}$$

Số tiền lãi (lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tiếp theo.

Nếu lãi sẽ được doanh nghiệp phân phối theo trình tự:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.
- Trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

Kết quả kinh doanh của DN là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua, doanh nghiệp đã lãi hay lỗ, là kinh doanh hiệu quả hay không. Điều này đã giúp nhà quản lý đưa ra được những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong DN.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế, Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

*** Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ

- ❖ *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*
- ❖ *Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ.*
- ❖ *Tài khoản 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra.*

Kết cấu tài khoản 511, 512

Nợ	TK 511, 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> Thuế TTĐB, thuế XK, Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Kết chuyển DT thuần sang TK 911. 	❖	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 511, 512 không có số dư cuối kỳ

*** Tài khoản 521: “Các khoản giảm trừ doanh thu”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán đã cam kết.

- ❖ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại.
- ❖ Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại.
- ❖ Tài khoản 532- Giảm giá hàng bán.

Kết cấu tài khoản 521, 531, 532:

Nợ	TK 521, 531, 532	Có
<ul style="list-style-type: none"> Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho KH. Trị giá hàng bán trả lại. Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng. 	•	Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK 511, TK 512 để xác định DT thuần.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

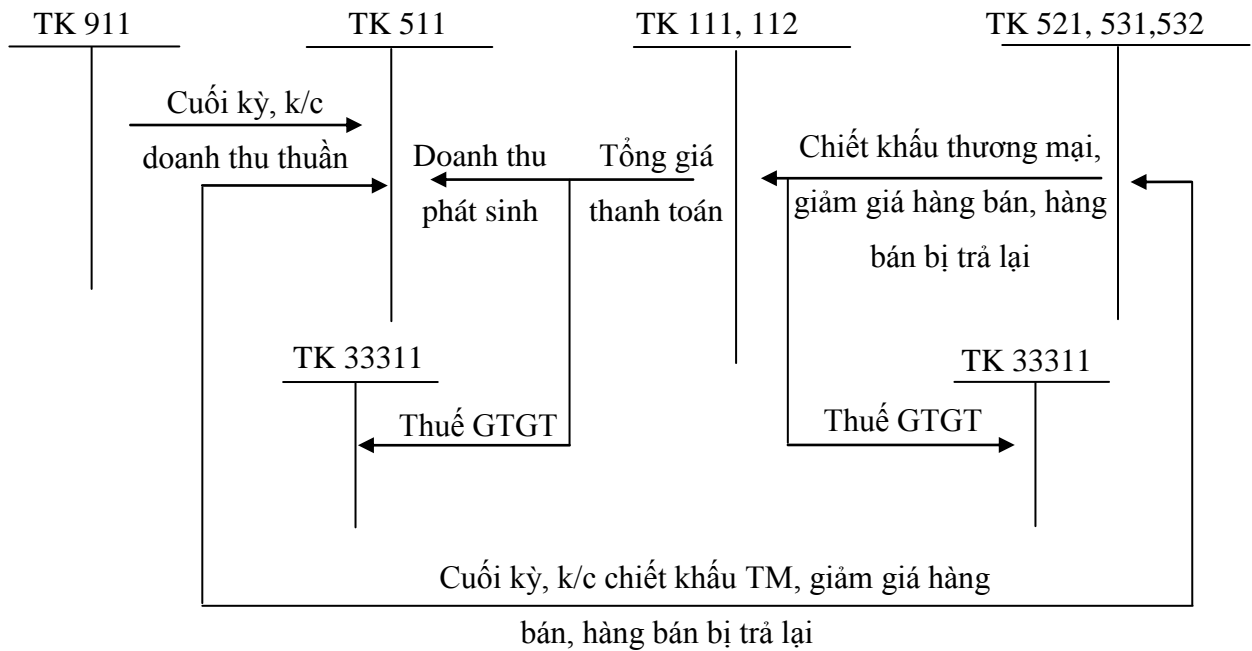
TK 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.**

Là phương thức bán hàng mà khách hàng có thể đến mua hàng trực tiếp hoặc thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do hai bên thỏa thuận.

**Sơ đồ 01: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý.**

Là phương thức bán hàng mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

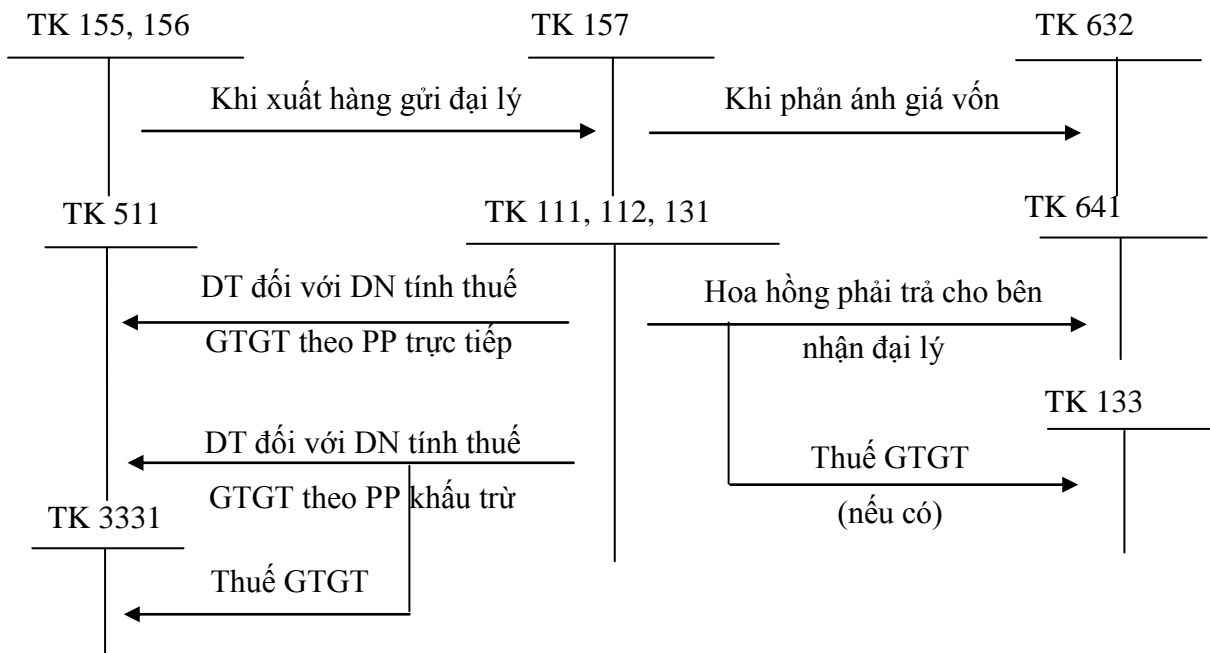
Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp sẽ giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho bên doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không bao gồm phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi là khoản chi phí và hạch toán vào TK 641.

Đối với bên nhận đại lý: Số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

Sơ đồ 02: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

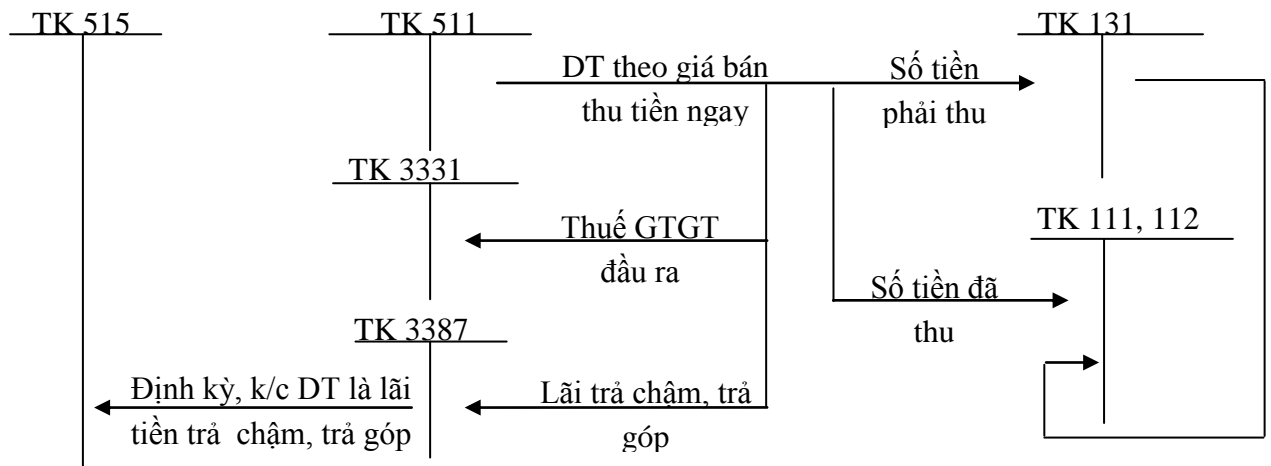
Đối với bên giao đại lý



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.**

Là phương thức bán hàng trả tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

Sơ đồ 03: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách hàng kế toán ghi nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty, tổng công ty,...

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.

Doanh nghiệp phải xác định được giá vốn của hàng xuất bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong thực tế do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đó mỗi lần nhập là một đơn giá khác nhau. Vì vậy, đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp nhất định để xác định trị giá hàng hoá xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập tương ứng.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}}{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

Có nhiều cách tính trị giá hàng xuất kho khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp cho phù hợp:

*** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước, hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hoá sau đó được xuất kho theo đúng tự như chúng được mua vào nhập kho.

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Tuy nhiên, nhược điểm của phương pháp này là đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất theo từng lần. Trị giá hàng xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

*** Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này những hàng hoá mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu

tiên, giá hàng hoá xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng. Phương pháp này có ưu điểm là trị giá hàng xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời điểm xuất kho hàng hoá. Nhưng trị giá hàng hoá tồn kho bị xác định kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động về giảm giá.

*** Phương pháp bình quân gia quyền:**

Phương pháp này, giá trị của từng loại hàng hoá tồn kho được tính theo trị giá trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho tương tự được mua trong kỳ.

Giá đơn vị bình quân gia quyền có hai cách tính:

Cách 1: Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Cách 2: Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần}}$$

*** Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Phương pháp này, hàng hoá thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn cho hàng xuất kho.

Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán phải kiểm soát được từng lô hàng, từng loại hàng hoá tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo hoá đơn của chúng.

Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập ít.

1.2.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hoá đơn mua hàng, hoá đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Phiếu kế toán (nếu có).

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, ...

Kết cấu tài khoản 632:

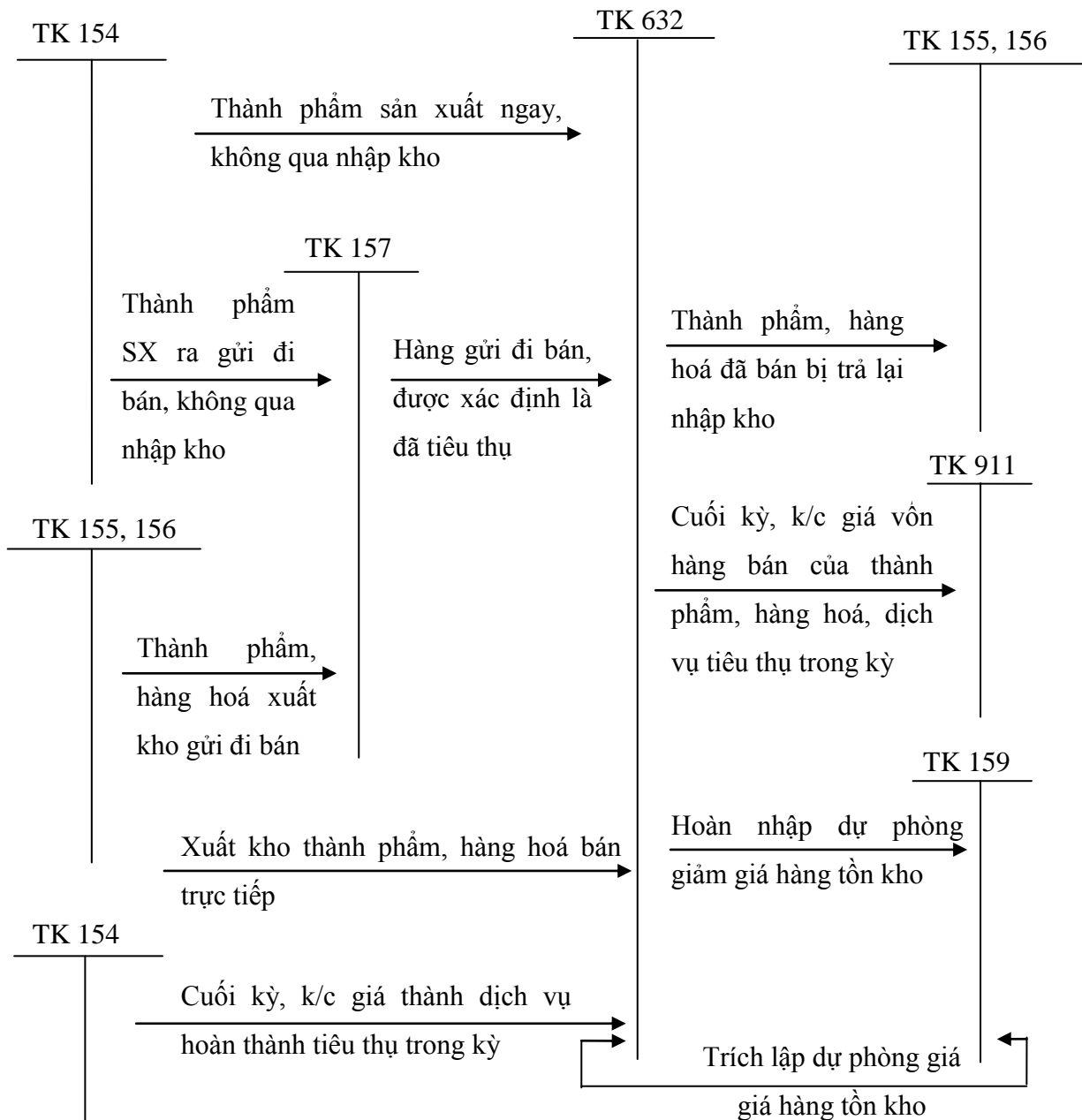
Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> • K/c giá vốn hàng bán bị trả lại. • Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. • K/c giá vốn hàng bán vào TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 04: Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ *Theo phương pháp kê khai thường xuyên.*



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Các Bảng phân bổ
- Hoá đơn giá trị gia tăng, Phiếu chi, Chứng từ khác có liên quan.

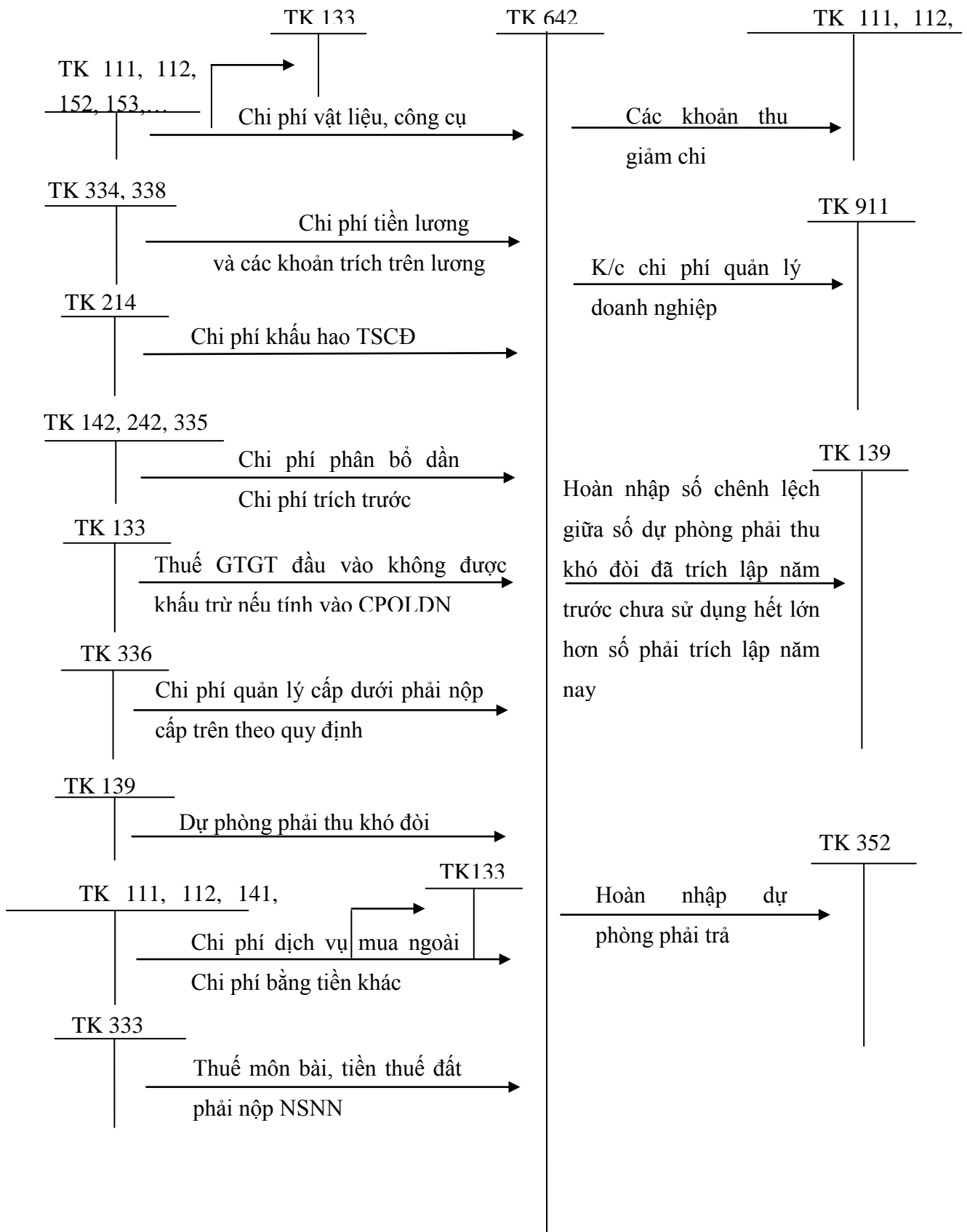
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642” Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3: Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 05: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng.

1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu, phiếu chi,...

1.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

- ❖ Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, bao gồm 7 tài khoản cấp 2:

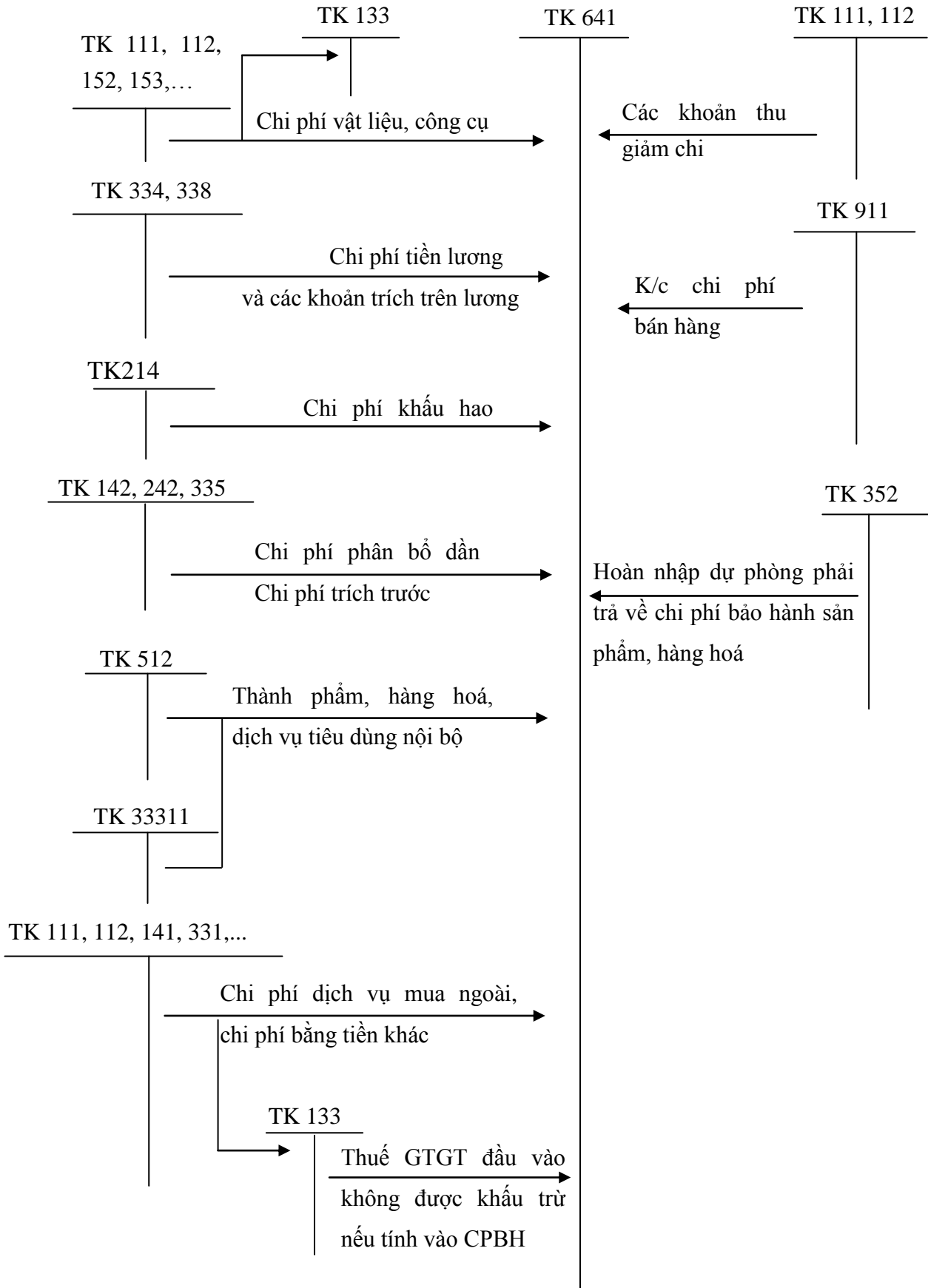
Kết cấu tài khoản 641:

Nợ	TK 641	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ sang TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 05: Kế toán chi phí bán hàng.



1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

1.2.5.1: Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các giấy tờ khác liên quan.

1.2.5.2: Tài khoản sử dụng:

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

❖ Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản 515:

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). • Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản 635:

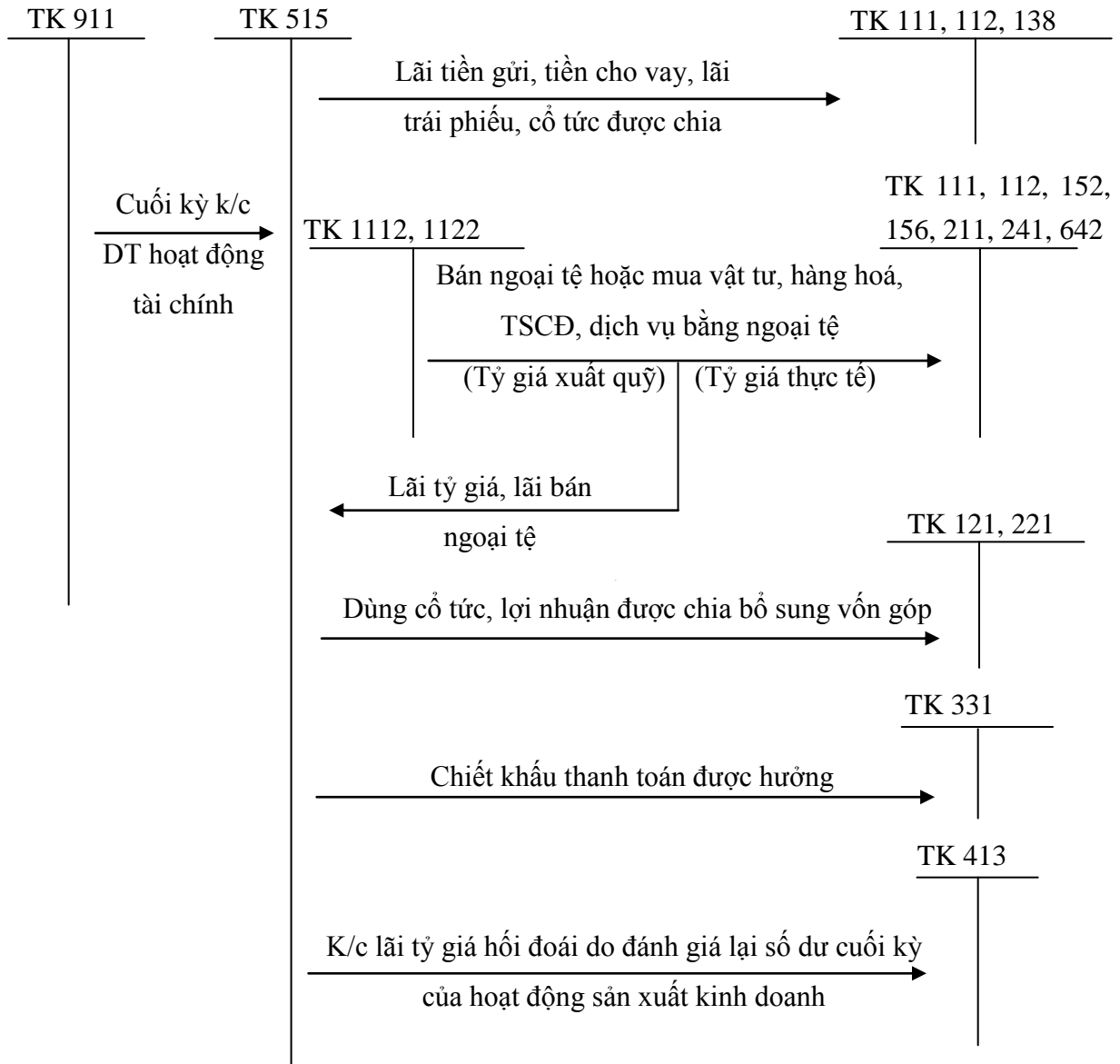
Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua. 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

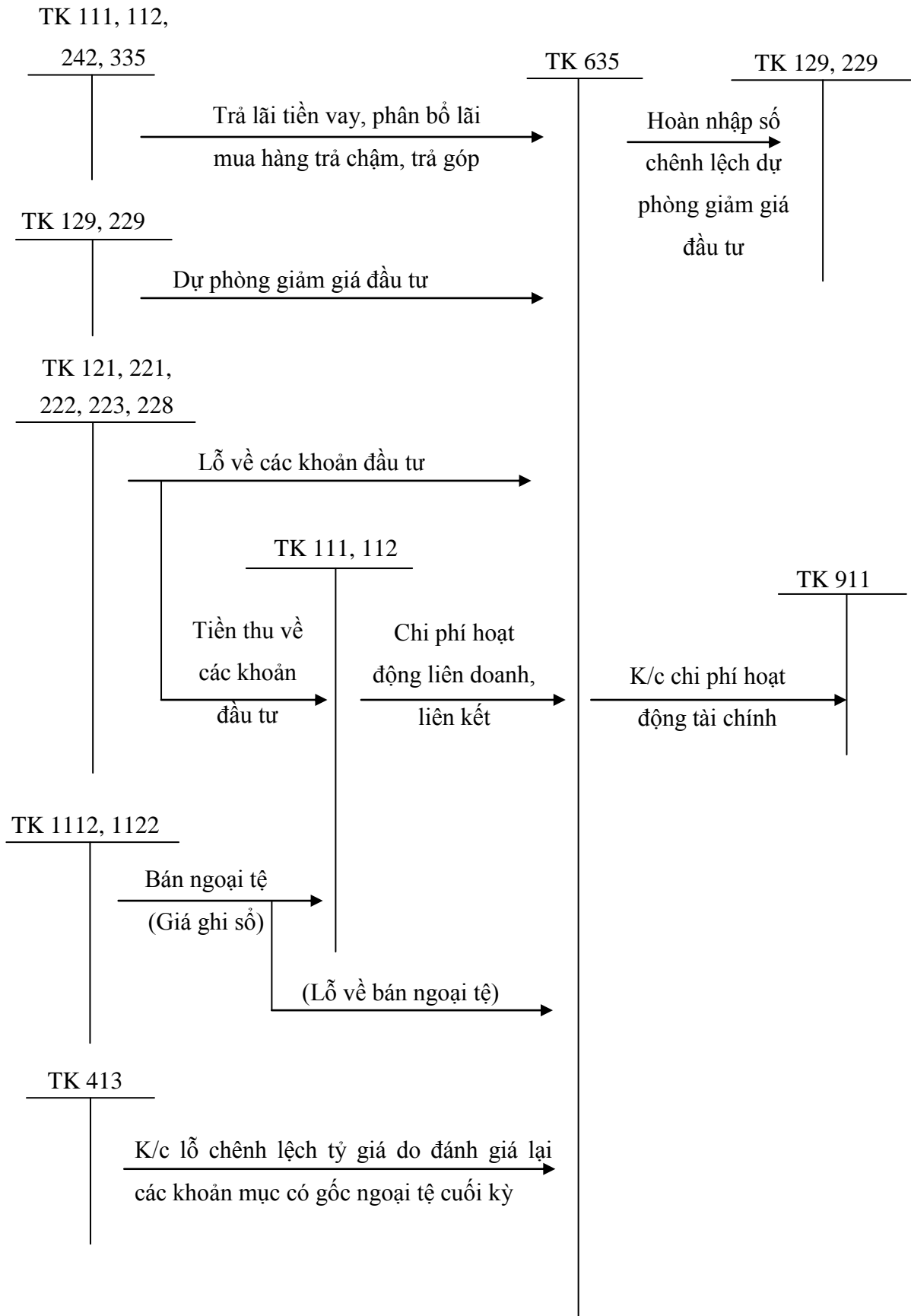
1.2.5.3: Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ 06 và 07

Sơ đồ 06: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.



Sơ đồ 07: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác.

1.2.6.1: Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ có liên quan

1.2.6.2: Tài khoản kế toán sử dụng:

❖ **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ Tài khoản 711- Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 711:

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp. • Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ Tài khoản 811- Chi phí khác.

Kết cấu tài khoản 811:

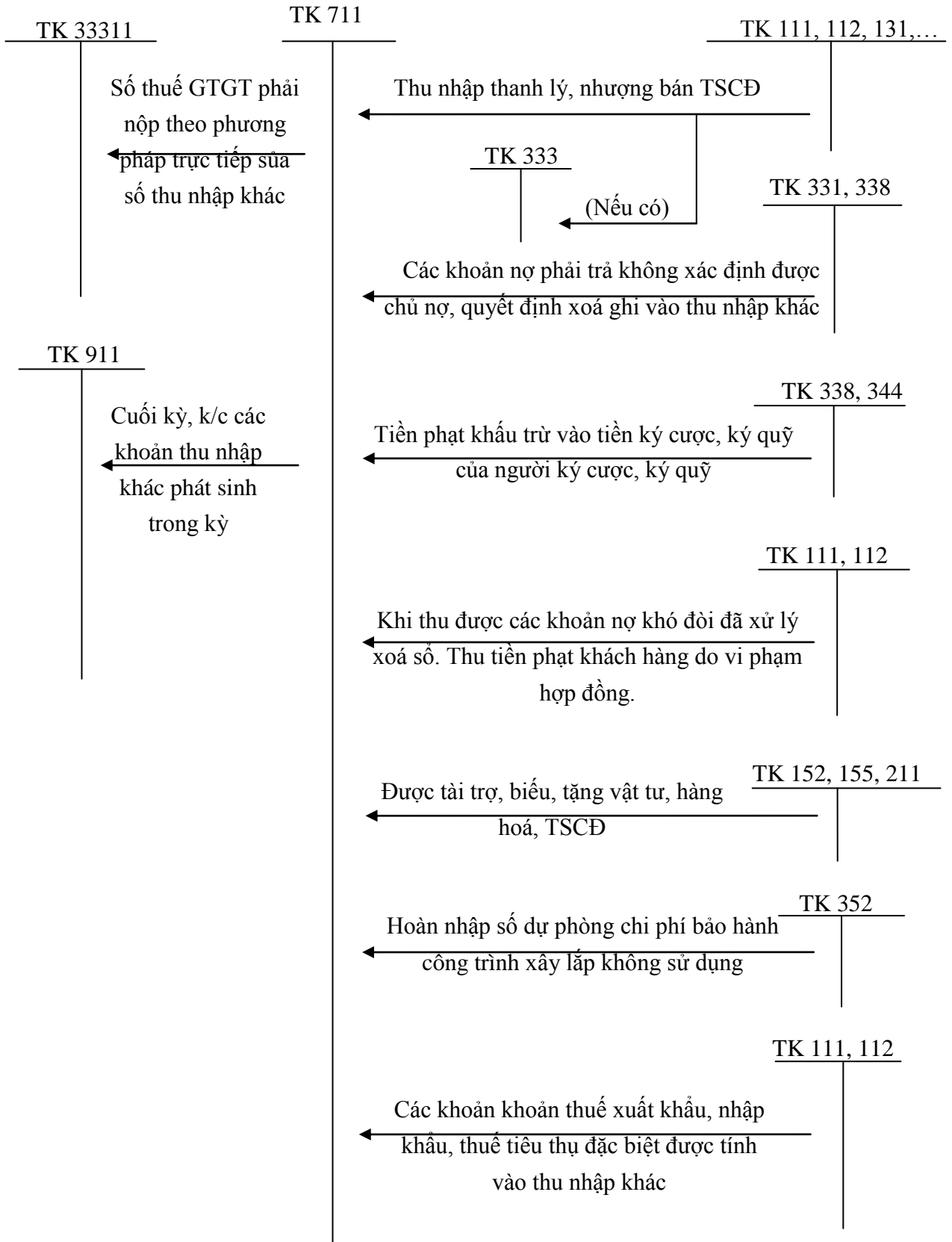
Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí khác sang TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

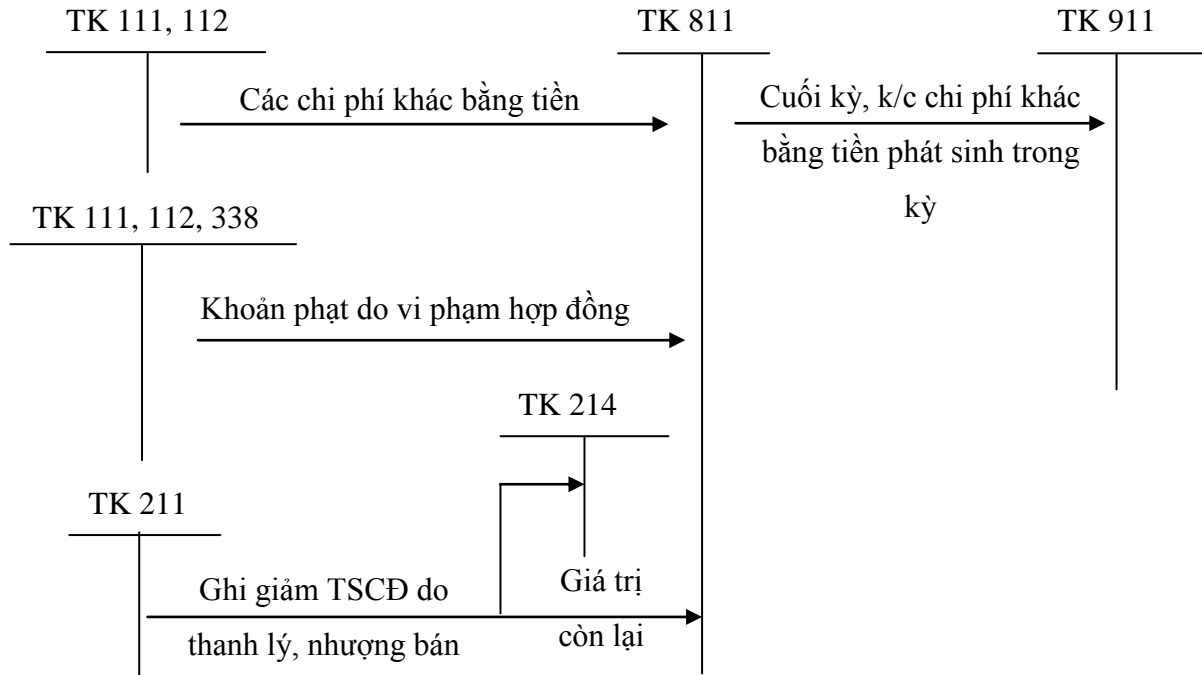
1.2.6.3: Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động khác, chi phí hoạt động khác được khái quát theo sơ đồ 08 và 09:

Sơ đồ 08: Kế toán thu nhập khác.



Sơ đồ 09: Kế toán chi phí khác.



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.7.2 Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLDN, CP hoạt động tài chính, CP khác). • Kết chuyển lãi. • Kết chuyển CP thuế TNDN. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). • Kết chuyển lỗ. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

❖ Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

❖ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm:

Kết cấu tài khoản 821:

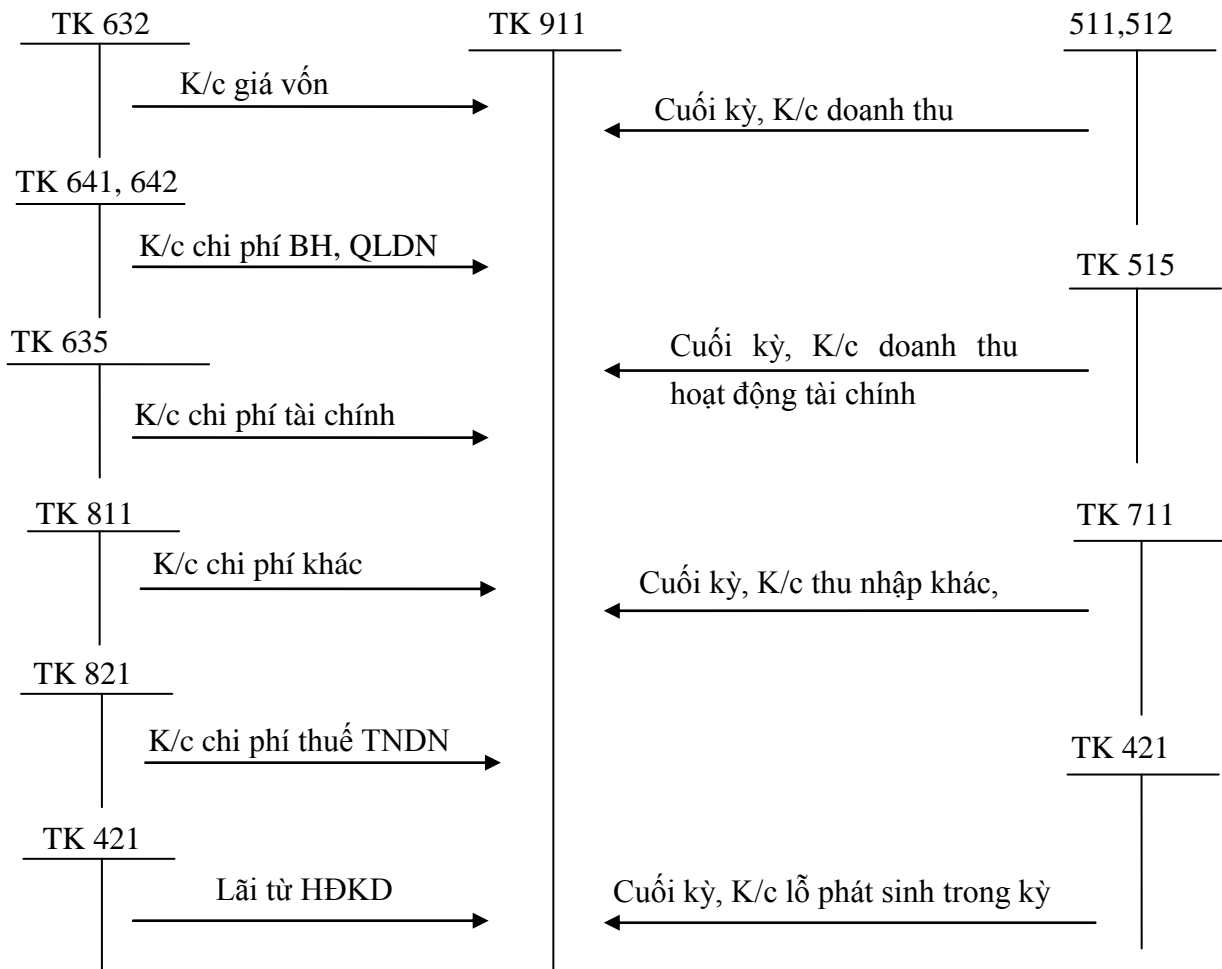
Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

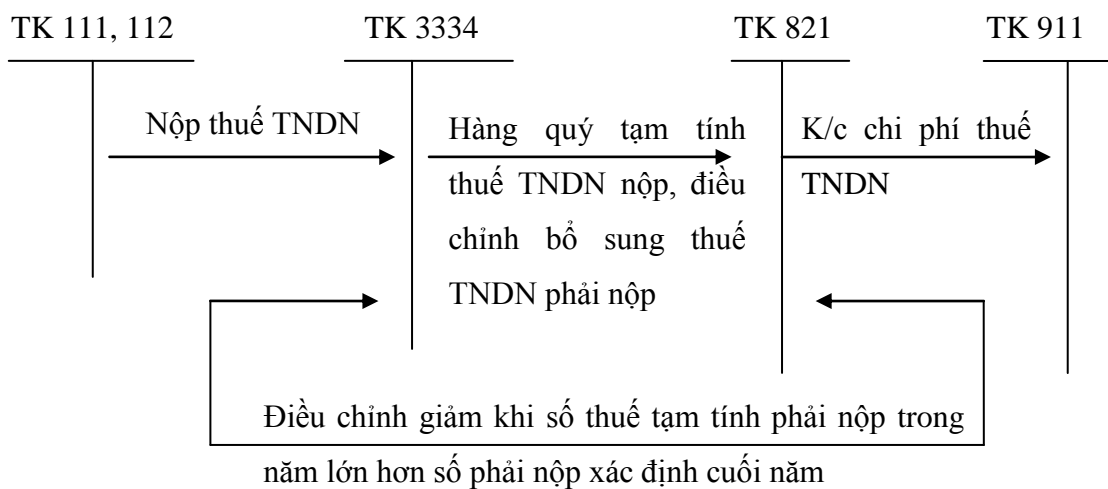
1.2.7.3: Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát theo sơ đồ 10 và 11

Sơ đồ 10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.



Sơ đồ 11: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

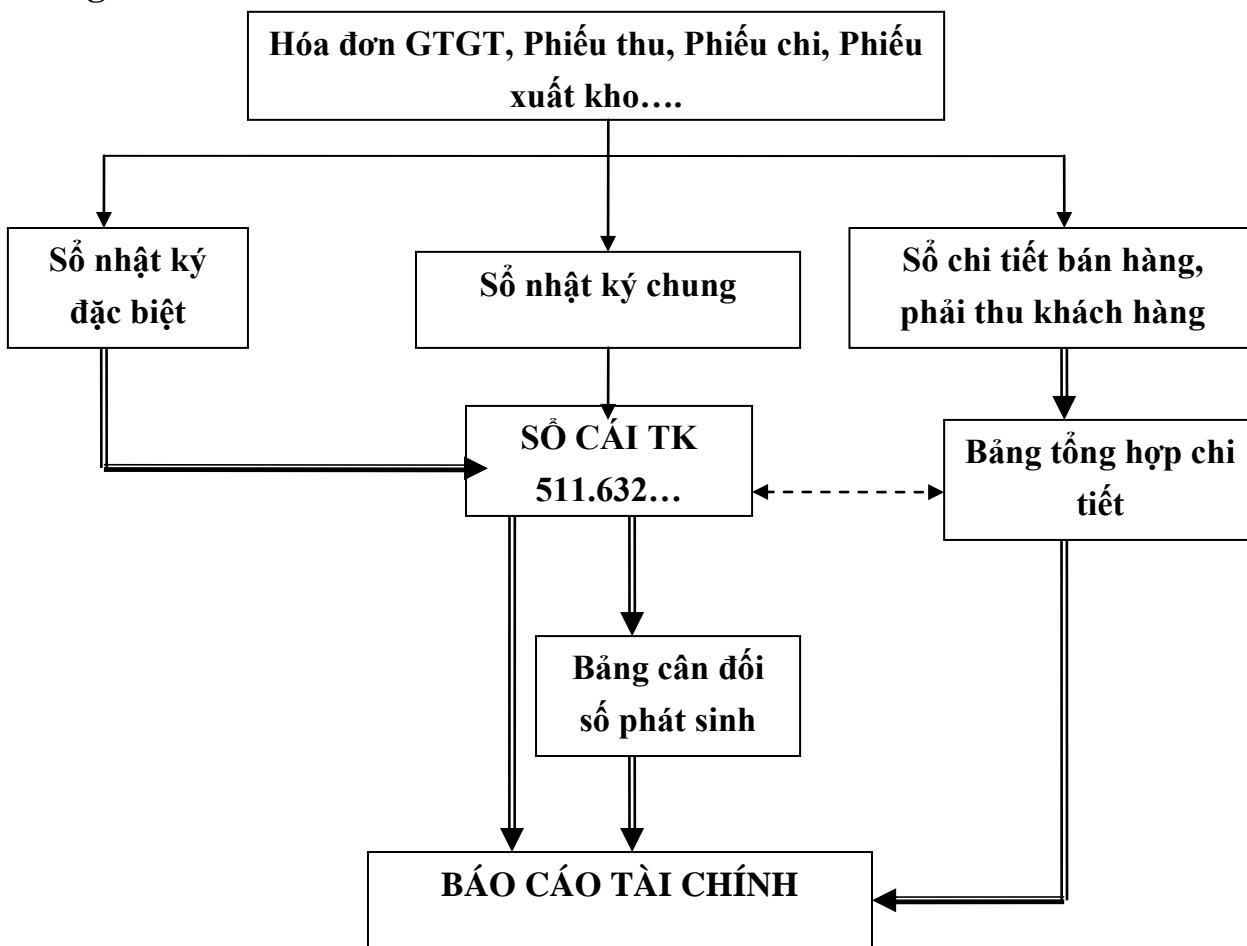
Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 12: Hình thức kế toán Nhật Ký Chung

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

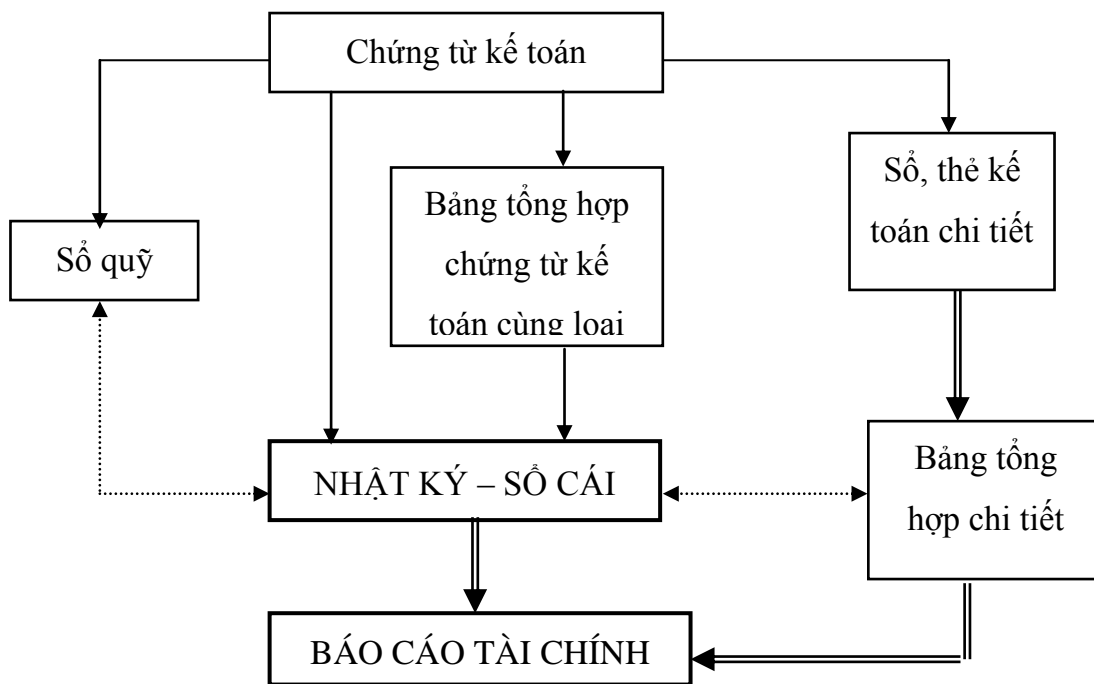
1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái**Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký

- Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:
- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký sổ cái



Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

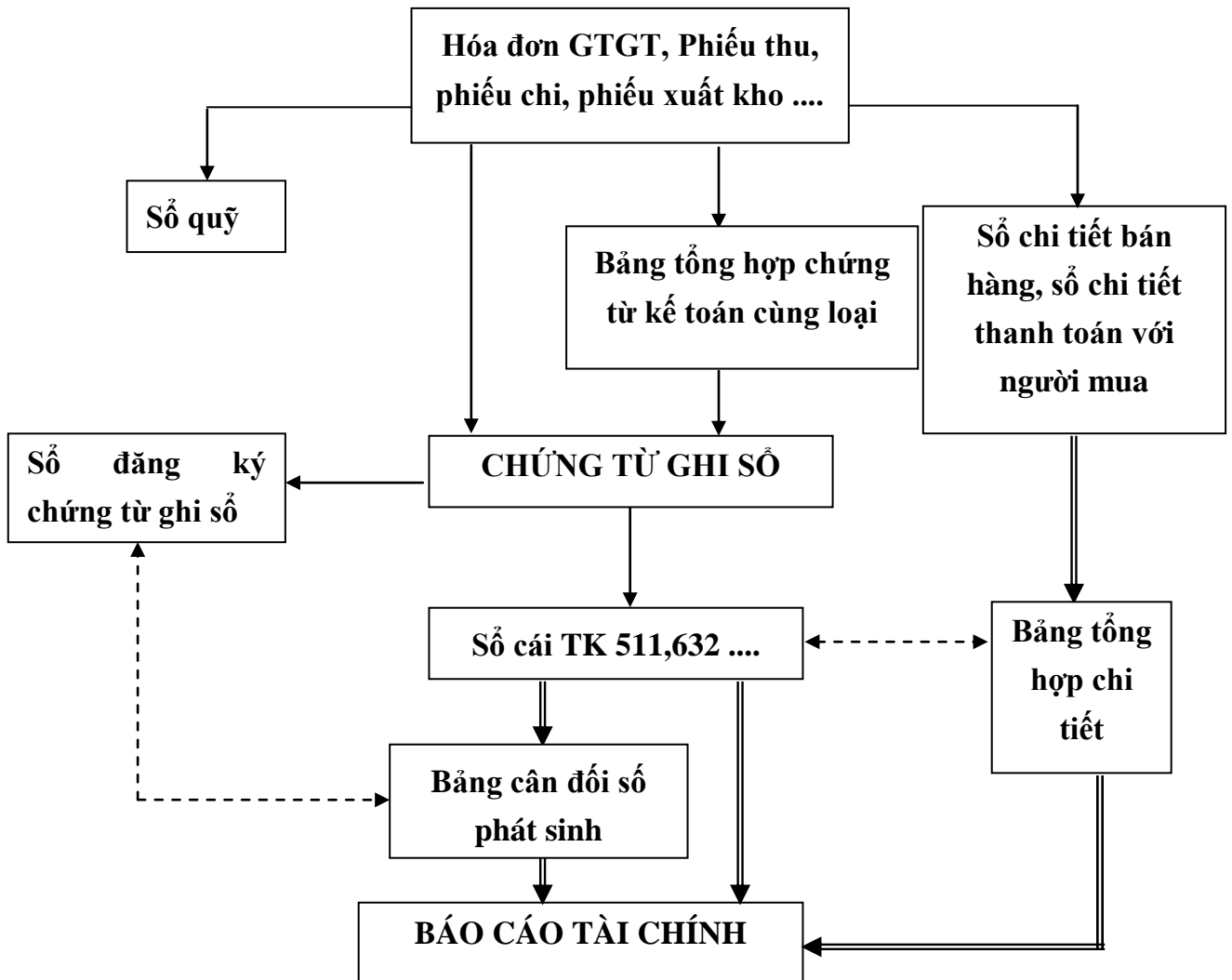
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 = = = = => Ghi cuối kỳ
 < - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 14: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)

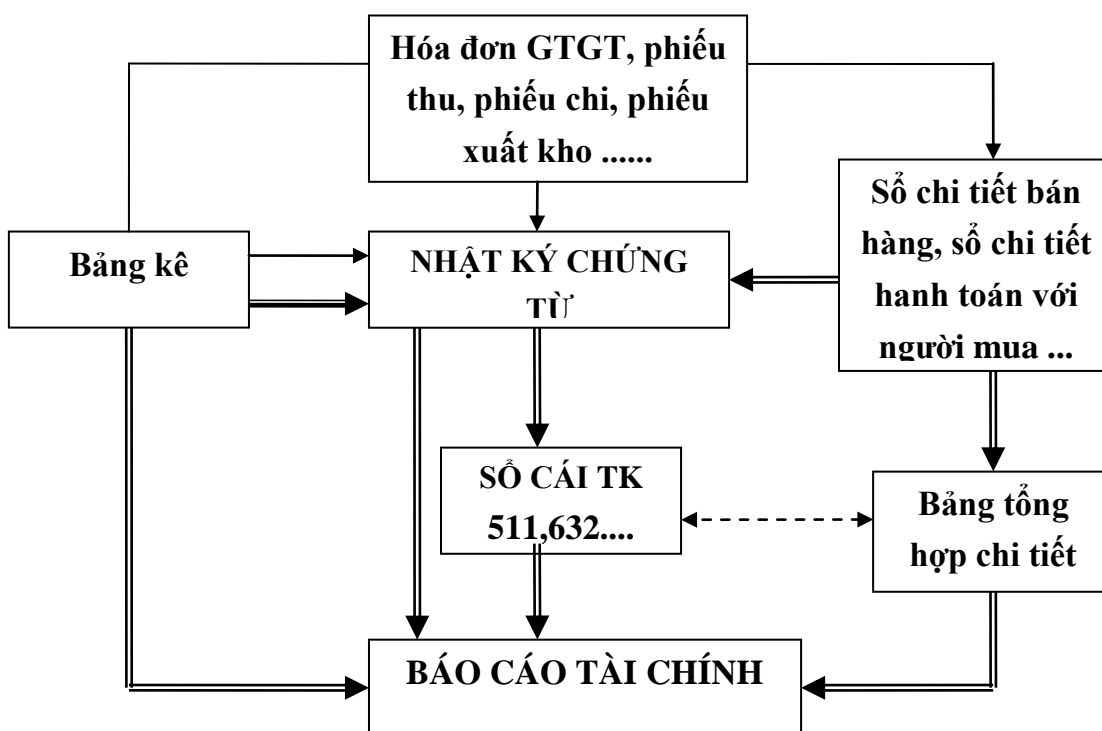
- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú :
 → Ghi hàng ngày
 → Ghi cuối tháng
 ⇔ Đối chiếu, kiểm tra
 ← - - - - -

Sơ đồ 15: Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán

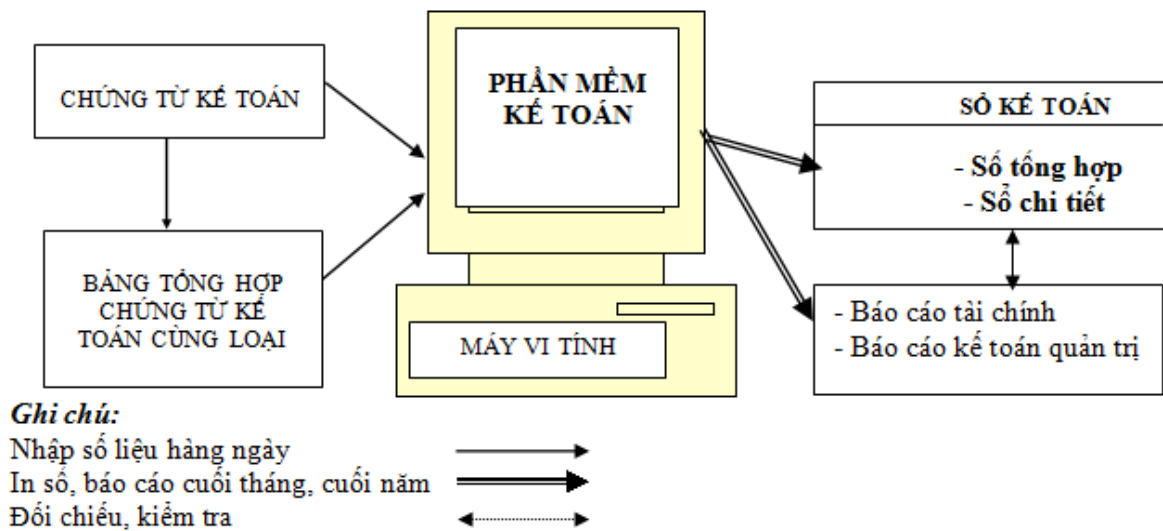
không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 16:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH****2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần cung
ứng tàu biển Quảng Ninh.**

Tên Công ty viết bằng tiếng việt: Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng
Ninh

Tên công ty giao dịch bằng tiếng anh: Quangninh shipchanler joint – stock
corporation

Tên công ty viết tắt: Quangninhshipchanco

Hình thức sở hữu vốn: doanh nghiệp cổ phần

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 đường Hạ Long - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh
Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3846479

Fax: 033.3846026

Mã số thuế: 5700473716

Vốn điều lệ: 16.500.000.000

Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh là Công ty cổ phần

Ngành nghề kinh doanh:

- Là một doanh nghiệp với đa dạng hóa các ngành nghề kinh doanh với
hoạt động kinh doanh chủ yếu là kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn. Ngoài
ra công ty còn kinh doanh các lĩnh vực từ dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ
bảo vệ môi trường, dịch vụ thương mại vận tải đường bộ cũng như cảng biển
đến kinh doanh các thiết bị tại cảng phục vụ tới nơi khách yêu cầu, chuyển hàng
hóa phi mậu dịch và hàng quá cảnh, kinh doanh kho ngoại quan, cửa hàng miễn
thuế. Quy trình công nghệ sản xuất ở mỗi ngành nghề lại có đặc tính riêng.

- Giấy phép kinh doanh số 5700473716. Đăng ký lần đầu ngày 18 tháng
12 năm 2003 và đăng ký thay đổi gần đây nhất ngày 23 tháng 08 năm 2013 do
sở Kế hoạch và đầu tư cấp. Lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh là một đơn vị sản xuất kinh doanh theo sự chuyên môn hóa ký kết hợp đồng và thực hiện theo các hợp đồng thương mại và dịch vụ.

Với việc kinh doanh nhà hàng khách sạn thì đối tượng chi phí là toàn bộ những chi phí phát sinh trong quá trình tạo ra sản phẩm dịch vụ.

Những năm qua Công ty đã chủ động trên các mặt kinh doanh tích cực đưa ra các biện pháp để thu hút mở rộng thị trường làm tăng lượt tàu biển đến Cảng đồng thời công ty còn đảm bảo được chữ tín trong hoạt động kinh doanh. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty am hiểu, thông thạo nghiệp vụ, làm việc có hiệu quả trên các lĩnh vực. Tổ chức Đảng, Đoàn thể hoạt động đúng chức năng, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động của Công ty ngày một phát triển.

❖ Những kết quả đạt được trong 3 năm qua.

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng doanh thu	78.329.116.463	84.183.806.454	97.398.639.197
2	Tổng chi phí	67.493.822.640	71.892.630.657	83.793.393.105
3	Tổng LN TT	10.835.293.820	12.291.175.797	13.605.246.092
4	Thuế TNDN	2.208.823.447	3.072.793.949	3.401.311.523
5	Tổng LN ST	8.626.470.341	9.218.381.848	10.203.934.569

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh

SƠ ĐỒ 16

Tổ chức bộ máy của công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh



Đề phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự của Công ty như sau:

Tổng số cán bộ công nhân viên : 165 người.

Trong đó: Nam: 89 người. Nữ : 76 người.

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

❖ **Tổng Giám đốc:**

Ở vị trí đài chỉ huy, điều hành chung mọi hoạt động của Công ty, nhận xử lý thông tin, giao nhiệm vụ cho các phòng ban quyết định mọi vấn đề trong toàn đơn vị.

❖ **Phó tổng giám đốc:**

Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc ở từng lĩnh vực cụ thể được Tổng giám đốc giao phó, thường xuyên giám sát các bộ phận dưới quyền.

Các đơn vị phòng ban trực tiếp kinh doanh:

+ **Khách sạn Bạch Đằng:** Kinh doanh khách sạn, nhà hàng phục vụ khách trong và ngoài nước đến thăm quan và làm việc tại thành phố Hạ long. Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ cho thủy thủ, thuyền viên có hộ chiếu hoặc các đơn vị đặt hàng của các tàu nước ngoài đến Cảng Hòn Gai.

+ **Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch và chi nhánh du lịch tại thành phố Móng Cái:** Tổ chức khai thác và trực tiếp kinh doanh khách du lịch lữ hành theo các hợp đồng dài hạn và ngắn hạn đối với các Tourt khách nước ngoài đến Việt Nam và các Tourt khách trong nước đi nước ngoài.

+ **Cung ứng tàu biển Hòn Gai và cung ứng tàu biển Cửa Ông:**

Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển: Cấp lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, nước ngọt, vệ sinh môi trường và các dịch vụ khác cho các tàu đến Cảng Hòn gai, Cảng Cái Lân, Cảng Cửa ông.

+ **Phòng kho ngoại quan:** Kinh doanh kho ngoại quan là hình thức kinh doanh mới được mở ra ở nước ta nhằm mục đích cho các tổ chức cá nhân ở nước ngoài, các doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp trong nước phải là lạo hàng hóa được nhập của Chính phủ vào kho ngoại quan, phòng kho ngoại quan còn làm nhiệm vụ môi giới ban hàng cho nước ngoài thu hoa hồng tái chế, gia cố... cho các đơn vị khác thuê kho ngoại quan

+ **Xí nghiệp gia công vận tải hàng hoá:** Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, ủy thác, tạm nhập tái xuất các loại hàng hóa, vận chuyển hàng qua cảnh.

+ **Phòng tổng hợp:** Bao gồm nhiều bộ phận tổng hợp như hành chính, tổ chức, bảo vệ, kế hoạch... có nhiệm vụ quản lý con dấu của Công ty, quản lý toàn bộ hồ sơ nhân sự, bố trí sắp xếp tuyển chọn công nhân viên, tham mưu cho lãnh đạo về công tác quản lý đào tạo cán bộ, thi đua khen thưởng, kế hoạch định hướng, chiến lược và phát triển trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

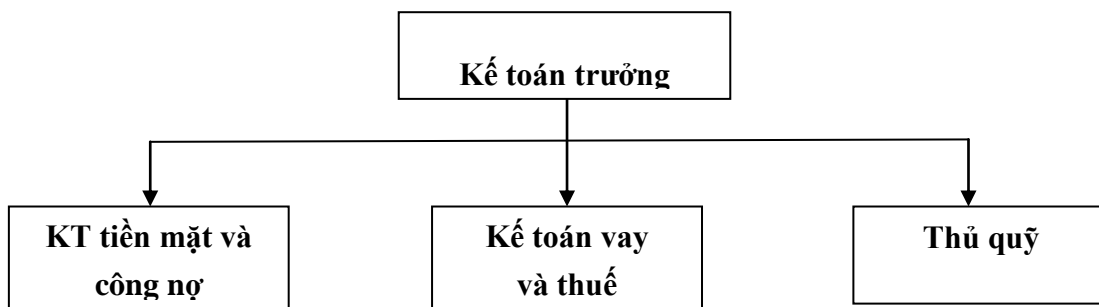
+ **Phòng kế toán tài chính:** Có nhiệm vụ tham mưu, cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời chính xác về tình hình hoạt động sản xuất giúp lãnh đạo Công ty có thể đưa ra những quyết định đúng, thích hợp nhất. Thực hiện các nghiệp vụ kế toán tài chính với các quy định và chính sách hiện hành của Nhà nước và pháp luật. Kế toán trưởng theo dõi, đôn đốc các tổ kế toán đơn vị, cơ sở và phòng ban thực hiện đúng sự chỉ đạo chung về công tác kế toán trong toàn Công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung và được thực hiện tại Phòng kế toán Tài chính.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh



Sơ đồ 17: sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Chức năng, nhiệm vụ của từng người trong bộ máy kế toán:

❖ Kế toán trưởng:

- Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
- Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.

- Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.

- Kế toán trưởng kiêm chức trưởng phòng kế toán tài vụ và kế toán tổng hợp: xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.....

❖ **Kế toán tiền mặt và công nợ:**

Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trong Công ty, như:

- Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt .

- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của Công ty.

- Theo dõi, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp.

- Lập bảng chấm công cho cán bộ công nhân viên và hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, đơn giá ngày công tính thu nhập cho từng người.

- Lập bảng thanh toán tiền lương.

❖ **Kế toán vay và thuế:**

- Có nhiệm vụ mở sổ chi tiết theo dõi các khoản nộp cho ngân sách Nhà nước, các khoản thuế được hoàn lại, được miễn giảm và thêm sổ chi tiết theo dõi chi tiết từng đối tượng cho vay. Hàng tháng, kế toán thuế có trách nhiệm lập báo cáo thuế gửi lên ban giám đốc và cơ quan thuế và báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước

❖ **Thủ quỹ:**

- Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt.

- Quản lý, bảo quản tiền mặt.

- Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.

- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra để xác định rõ nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

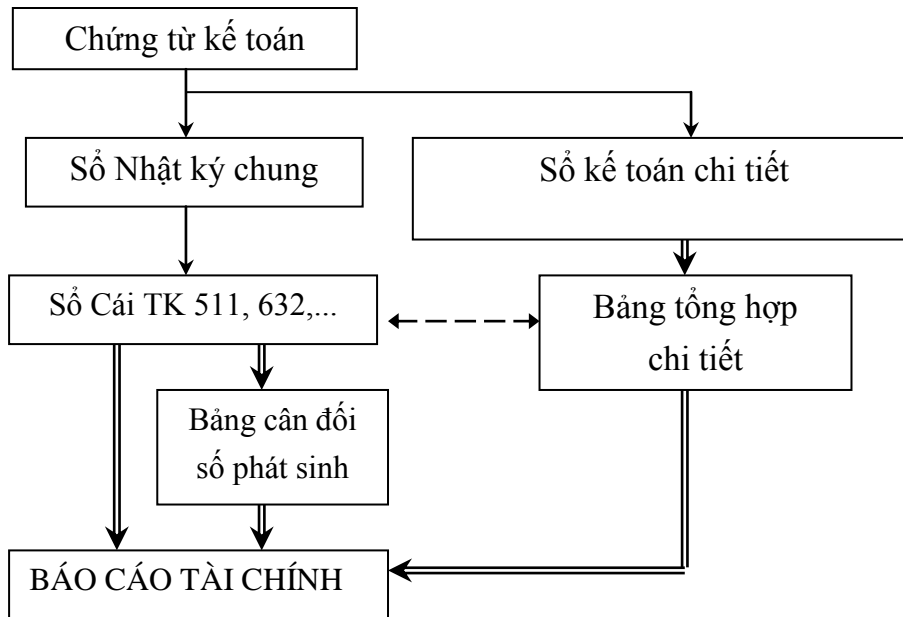
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 15/2006/QĐ - BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng:

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo *phương pháp kê khai thường xuyên*.
- Nộp thuế GTGT theo *phương pháp khấu trừ*.
- Tính giá trị hàng xuất kho theo *phương pháp nhập trước - xuất trước*.
- Về tài sản cố định, Công ty trích khấu hao theo *phương pháp đường thẳng*.
- Hình thức kế toán: *Nhật ký chung*

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung:



- Ghi chú** → Ghi hàng ngày
 ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 ↔ Đối chiếu, kiểm tra

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thoả thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty trong 5 năm trở lại đây là kinh doanh nhà hàng, khách sạn và các thiết bị tại cảng phục vụ tới nơi khách yêu cầu, chuyển hàng hóa phi mậu dịch và hàng quá cảnh, kinh doanh kho ngoại quan... Vì vậy, doanh thu của công ty được cấu thành từ việc phục vụ theo yêu

cầu của khách hàng có nhu cầu hoặc chuyển hàng hóa phi mậu dịch và hàng quá cảnh, kinh doanh kho ngoại quan.

➤ **Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng:** Hiện tại Công ty đang sử dụng chủ yếu hình thức bán hàng là theo đơn đặt hàng; theo yêu cầu của khách hàng và theo hình thức trực tiếp.

Sau khi, công ty ký hợp đồng với khách hàng đồng thời là phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, khách hàng chấp nhận đơn đặt hàng và thanh toán.

Sau khi quyết toán hợp đồng, được khách hàng và công ty ký xác nhận, phòng kế toán lập hồ sơ quyết toán gồm:

- Báo giá các hạng mục dịch vụ .
- Hợp đồng dịch vụ
- Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng.
- Quyết toán.

Phòng tài chính kế toán có nhiệm vụ nghiên cứu kỹ điều khoản thanh toán để tạm ứng tiền của khách hàng cần cung cấp dịch vụ. Khi nhận được hồ sơ quyết toán thì lập hoá đơn gửi cho khách hàng và đơn đốc thu tiền theo điều khoản thanh toán khách hàng đã cam kết.

➤ **Phương pháp hạch toán:**

- Hàng ngày, kế toán doanh thu căn cứ vào chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, phiếu thu, GBC ... kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua. Từ sổ Nhật ký chung kế toán, tổng hợp vào sổ cái các TK 111, 112, 131, 511, 632 đồng thời đối chiếu các sổ sách liên quan.

- Căn cứ vào các sổ sách trên, cuối kỳ kế toán trưởng tiến hành đối chiếu và lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

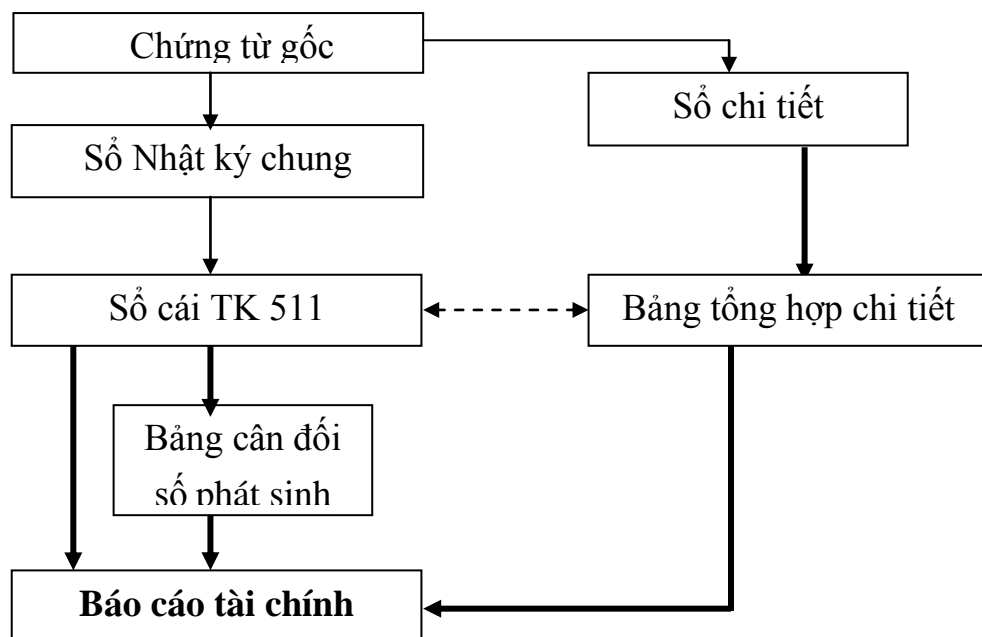
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ: Hóa đơn GTGT. Hoá đơn GTGT bao gồm 3 liên:
 - Liên 1: Lưu tại quyền.
 - Liên 2: Giao cho khách hàng.

- Liên 3: Luân chuyển nội bộ để ghi sổ kế toán.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng), ... và các chứng từ liên quan khác.

2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- ❖ **Đề hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Kế toán sử dụng các tài khoản:**
 - TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 - TK 111, 112: Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.
 - TK 131: Phải thu khách hàng.
 - TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.
- ❖ **Sổ sách sử dụng:**
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ Cái TK 511, 632.

❖ Trình tự hạch toán doanh thu:



- Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi định kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật kí chung. Cuối tháng dựa vào sổ nhật kí chung kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu

VD1: Ngày 05/12/2013 Công ty phát sinh doanh thu từ việc cho thuê phòng nghỉ tại Khách sạn Bạch Đằng đối với công ty xăng dầu B12 với tổng số tiền thanh toán là 40.855.000đ (thuế GTGT 10%).

- Sau khi đạt được thỏa thuận về giá cả thông qua bảng báo giá mà công ty gửi cho công ty xăng dầu B12 thì hai bên cùng nhau kí kết bản hợp đồng số 5821(Biểu số 01).

- Theo đó, bên B phải tạm ứng số tiền cho công ty như đúng cam kết đã được kí. Kế toán nhận được GBC của ngân hàng (Biểu số 02 và biểu số 07) với tổng trị giá là 20.000.000đ sẽ hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 08), đồng thời số tiền đó được ghi vào sổ cái TK 112.

- Sau khi kết thúc hợp đồng, hai bên thực hiện nghiệm thu và thanh quyết toán tiền dịch vụ. Kế toán xuất HĐ GTGT số 0007095 (Biểu số 04) cho công ty xăng dầu B12, đồng thời bên B sẽ thanh toán số tiền còn lại theo đúng thỏa thuận của hai bên. Sau đó hai bên sẽ cùng nhau thanh lý hợp đồng (Biểu số 03).

- Xuất HĐ GTGT đồng thời kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 10) tháng 12/2013. Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (Biểu số 09), sổ cái TK 131(biểu số 10), sổ cái TK 112 (Biểu số 11), sổ chi tiết thanh toán với người mua(Biểu số 12), bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua(biểu số 13).

Biểu số 01: Hợp đồng phục vụ khách lưu trú số 5821 với công ty xăng dầu B12



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 5821/HDDV

Hạ Long, Ngày 05 tháng 12 năm 2013

HỢP ĐỒNG
PHỤC VỤ KHÁCH LƯU TRÚ 2013
Hợp đồng số: 5821/HDDV

- Căn cứ bộ luật dân sự số 33/2005 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005
 - Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH ngày 24 tháng 06 năm 2005 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
 - Căn cứ luật Du lịch năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
 - Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên
- Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2013, chúng tôi gồm có:**

Bên A:

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh
- Địa chỉ: Số 2 đường Hạ Long - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại/Fax :(+84.33)3846479/(+84.33)3847666
- TK: 0141000000466 tại: Ngân hàng TMCP ngoại thương Vietcombank VN - Tp Hạ Long.
- MST: 5700473716
- Đại diện là Ông(Bà): Hồng Hà Chi - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B:

- Tên doanh nghiệp: Công ty xăng dầu B12
- Địa chỉ: Khu 1 Phường Bãi Cháy - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại/Fax :(+84.33)3846753
- TK: 01410001425954 tại: Ngân hàng TMCP ngoại thương Vietcombank VN - Tp Hạ Long.
- MST: 5700101690
- Đại diện là Ông(Bà): Bùi Duy Đông - Chức vụ: Giám đốc

Các bên thống nhất ký kết hợp đồng theo những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

1. Bên B thông báo trước kế hoạch khách đến cho bên A theo từng đợt, từng tháng, từng quý bằng Fax hoặc Email để bên A có kế hoạch giữ phòng cho khách:
2. Bên B thông báo cụ thể về các đoàn khách cho bên A như sau:
 - Tên hãng, tên đoàn, quốc tịch
 - Tên trưởng đoàn
 - Số lượng khách, chất lượng phục vụ
 - Thời gian khách đến và thời gian khách lưu trú tại Khách sạn.
 - Số phòng từng loại, tiêu chuẩn ăn
3. Khách của bên B trong thời gian lưu trú tại Khách sạn phải tuân thủ theo luật pháp Việt Nam và Nội quy của Khách sạn.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A:

1. Sau khi nhận được thông báo khách của bên B, bên A phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để phục vụ khách được tốt nhất theo đúng như trên yêu cầu của bên B đã thông báo trên Fax hoặc Email

2. Đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ cho khách của bên B trong suốt thời gian lưu trú tại khách sạn của bên A (*Nếu có*).

ĐIỀU 3: CÁC QUY ĐỊNH VỀ VIỆC HUỖ PHÒNG, ĐIỀU CHỈNH ĐẶT PHÒNG

1. Đối với khách đoàn: (Đặt phòng từ 5 phòng trở lên): Bên B có trách nhiệm thông báo huỷ phòng ngủ hoặc điều chỉnh phòng ngủ cho bên A trong trường hợp khách không đến trước 7 ngày nếu không bên B sẽ phải thanh toán 100% chi phí phòng, 100% tiền ăn cho đêm đầu tiên, 50% tiền xe ra, vào đón khách nếu có.

2. Đối với khách lẻ: Bên B có trách nhiệm thông báo huỷ phòng ngủ hoặc điều chỉnh phòng ngủ cho bên A trong trường hợp khách không đến trước 48 tiếng đồng hồ, nếu chậm trễ bên B phải thanh toán 100% tiền phòng đêm đầu tiên, 100% bữa ăn đầu tiên, 50% tiền xe ra, vào đón khách (*nếu có*)

3. Việc huỷ hay điều chỉnh phòng phải được bên B thông báo bằng văn bản, fax hay email.

*Trường hợp đã nhận đặt phòng mà vì bất cứ lý do nào, bên A không có phòng cho bên B thì bên A phải đặt phòng ở một Khách sạn khác có tiêu chuẩn tương đương với Khách sạn của bên A và chịu mọi phí tổn phát sinh (*Nếu có*).

ĐIỀU 4 : CÁC QUY ĐỊNH VỀ VIỆC NHẬN VÀ TRẢ PHÒNG.

****Các chính sách nhận và trả phòng:**

4.1 Giờ nhận và trả phòng

- Giờ nhận phòng 14:00 giờ
- Giờ trả phòng: 12:00 giờ

4.2 Nhận/trả phòng sớm

.a. Nếu khách trả phòng muộn:

- Từ 12:00 Đến 15:00: Tính 30% tiền phòng
- Từ 12:00 Đến 18:00: Tính 50% tiền phòng
- Sau 18:00: Tính 100% tiền phòng

b. Nếu khách nhận phòng sớm

- Từ 01:00 – 06:00 giờ sáng: Tính 100% tiền phòng
- Từ 06:00 – 08:00 giờ sáng: Tính 50% tiền phòng

.c. Nếu khách trả phòng sớm

- Phạt 50% tiền phòng đêm đầu tiên.
- Đối với khách sử dụng voucher, việc trả phòng sớm sẽ không được thanh toán lại tiền hoặc trừ đêm phòng.

ĐIỀU 5 : GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

5.1. Giá dịch vụ

STT	LOẠI PHÒNG	VIỆT NAM (VNĐ)	
		Khách đoàn	Khách lẻ
1	SUPERIOR (DBL)	409.090	709.090
2	SUPERIOR (TRIP)	659.090	859.090
3	DELUXE (TRIP)	659.090	959.090
4	VIP	1.000.000	1.500.000

Giá phòng trên bao gồm:

- 10% thuế VAT, 5% phí phục vụ, ăn sáng, sử dụng Business center; Internet miễn phí
- Đối với đoàn 15 phòng được một (01) FOC (15Rs- 1 FOC).
- Đối với đoàn 15 phòng trở lên Khách sạn sẽ bố trí 01 phòng nội bộ miễn phí cho Hướng dẫn, lái xe và bố trí ăn nội bộ (nếu khách đặt ăn tại Khách sạn) Trường hợp số lượng khách lưu trú thấp hơn số lượng đã nêu trên thì hướng dẫn và lái xe phải thanh toán tiền phòng và tiền ăn theo giá ưu đãi của Khách sạn.
- Giá trên không áp dụng cho các dịp lễ như: Tết Dương lịch (01/01), Tết Âm lịch (02/02/2013-08/02/2013), Ngày giỗ tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch) , ngày Giải phóng miền Nam (30/04), ngày lao động quốc tế (01/05); ngày Quốc khánh (02/09); Giáng Sinh (24/12) v..v.
- *Giá cho các ngày lễ =Giá hợp đồng + 20%/phòng/đêm.*
- *Riêng đối với Lễ hội carnaval Hạ Long hằng năm, khách sạn sẽ điều chỉnh tăng 30% so với giá hợp đồng.*
- **CHÍNH SÁCH CHO TRẺ EM DƯỚI 12 TUỔI**
- Trẻ em từ 5 tuổi trở xuống (ở chung với cha mẹ): Miễn phí
- Từ 6 tuổi đến 11 tuổi, không thêm Giường (extra bed): tính 20% tiền phòng
- Trên 12 tuổi: tính như người lớn.

b. Nhà hàng:

Nhà hàng Khách sạn nằm ở tầng 2, có sức chứa hơn 500 khách, Phục vụ Quý khách đầy đủ các món ăn Âu - Á.

5.2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

a. Hình thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc các loại thẻ tín dụng
- Trường hợp khách thanh toán bằng tiền Việt Nam thì sẽ căn cứ tỉ giá của ngân hàng Vietcombank để thanh toán
- Hình thức thanh toán sẽ được thỏa thuận trong mỗi phiếu đặt phòng (booking)

b. Điều kiện thanh toán:

Bên B phải thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản 50% trước khi khách nhận phòng tại khách sạn Bạch Đằng trong vòng 7 ngày. Khoản tiền còn lại Bên B phải thanh toán cho bên A trước khi khách trả phòng. Thông tin về ngân hàng và số tài khoản của bên A xem phần đầu của hợp đồng này.

ĐIỀU 6 : BẢO HIỂM VÀ AN TOÀN CHO KHÁCH:

1. Bên B có trách nhiệm Bảo Hiểm cho khách trong chuyến tham quan lưu trú tại bên A.

2. Bên A có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho khách khi khách lưu trú tại Khách sạn của bên A. Nếu khách ốm đau đột xuất thì bên A sẽ gọi bác sỹ hoặc sẽ lo phương tiện đưa khách đến bệnh viện, mọi chi phí do khách tự trả.

3. Hai bên có trách nhiệm nhắc nhở khách tuân theo mọi điều lệ, nội qui

của Khách sạn và Pháp luật Nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 7 : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Nếu có gì trở ngại trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ bàn bạc giải quyết vấn đề bằng văn bản theo tinh thần hợp tác và cùng có lợi.
2. Trường hợp một trong hai bên vi phạm hợp đồng mà hai bên không tự thương lượng được thì sẽ thống nhất chuyển lên Toà án kinh tế tỉnh Quảng Ninh là cơ quan có thẩm quyền giải quyết.


ĐIỀU 8 : NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG:

1. Hợp đồng có thể sửa đổi hoặc bổ sung thông qua phụ lục hợp đồng cho phù hợp với các yêu cầu mới theo sự thoả thuận thống nhất của hai bên.
2. Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2013. Những hợp đồng đã ký trước đây (nếu có) xem như không còn hiệu lực.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Biểu số 02: GBC của Ngân hàng Vietcombank về việc tạm ứng tiền dịch vụ tại Khách sạn Bạch Đằng của công ty xăng dầu B12

	Vietcombank	GIẤY BÁO CÓ	
	Hạ Long – QN	Ngày 05/12/2013	Mã GDV Mã HSKH 4931412 Số GD:
Kính gửi:	Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh		
MST:	5700473716		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0141000000466		
Số tiền bằng số:	20.000.000		
Số tiền bằng chữ:	Hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng.		
Nội dung:	Công ty xăng dầu B12 tạm ứng thanh toán tiền phòng nghỉ.		
Giao dịch viên	Kiểm soát		

Biểu số 03: Biên bản thanh lý hợp đồng dịch vụ với công ty xăng dầu B12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hạ Long, Ngày 08 tháng 12 năm 2013

THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 5821/TLHĐ

V/v dịch vụ đặt phòng công ty xăng dầu B12

- Căn cứ hợp đồng số 5821 /HDDV ngày 08 tháng 12 năm 2013 giữa công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh với công ty xăng dầu B12
- Căn cứ vào biên bản quyết toán.

Hôm nay, ngày 08 tháng 12 năm 2013. Tại công ty công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh. Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH

Đại diện : **(Ông) Hồng Hà Chi** - Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Số 2 đường Hạ Long – TP Hạ Long - Quảng Ninh

MST : 5700473716

Bên B : CÔNG TY XĂNG DẦU B12

Đại diện : **(Ông) Bùi Duy Đông** - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Khu 1 - Phường Bãi Cháy – TP Hạ Long - Quảng Ninh

MST : 5700101690

Hai bên thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số: 5821/HDDV ngày 08 tháng 12 năm 2013 với tổng giá trị là: 40.885.000đ(Bốn mươi triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Số tiền đã bao gồm thuế VAT 10%

- Nếu không có việc phát sinh ngoài hợp đồng, 2 bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế.
- Hợp đồng hết hiệu lực và được miễn trách nhiệm liên quan khi 2 bên đã thanh toán xong.
- Biên bản thanh lý được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 04: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0007095



CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH

Quangninh shipchanler joint – stock corporation

Số 2 đường Hạ Long - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Tel:(+84.33)3846479

Fax: (+84.33)3847666

Mã số thuế: 5700473716

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu:AA/13P

0007095

Liên 3: Nội bộ

Ngày 08 tháng 12 năm 2013

Nơi xuất: Khách sạn Bạch Đằng.....

Địa chỉ: Số 2 đường Hạ Long - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.....

Khách hàng:

Đơn vị: Công Ty xăng dầu B21

Địa chỉ: Khu 1 Phường Bãi Cháy - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.....

Mã số thuế: 5700101690

Hình thức thanh toán:CK.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phòng Nghỉ	Phòng	12*3n	409.090	14.756.724
2	Ăn uống				22.411.458
Cộng tiền hàng					37.168.182
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			3.716.818
Tổng cộng tiền thanh toán					40.885.000

Số tiền viết bằng chữ: *Bốn mươi triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

VD2: Ngày 25/12/2013 Công ty thu tiền dịch vụ cho thuê kho bãi tại Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Nam Trung với tổng số tiền thanh toán là 55.000.000đ(thuế GTGT 10%).

- Sau khi đạt được thỏa thuận về giá cả thông qua bảng báo giá mà Công ty gửi cho Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Nam Trung thì hai bên cùng nhau kí kết bản hợp đồng số 5816(Biểu số 05).

- Giá thuê kho là:20.000 đ/m²/tháng. Vào ngày 25 hàng tháng bên A xuất hóa đơn cho bên B, bên B sẽ thanh toán tiền cho bên A. Bên B thanh toán cho bên A vào cuối mỗi tháng.Kế toán sẽ hạch toán vào sổ nhật ký chung(Biểu số 08).

- Sau khi kết thúc hợp đồng, hai bên thực hiện thanh quyết toán tiền dịch vụ. Kế toán xuất HĐ GTGT số 0008299 (Biểu số 06) cho Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Nam Trung, đồng thời bên B sẽ thanh toán số tiền theo đúng thỏa thuận của hai bên. Sau đó hai bên sẽ cùng nhau thanh lý hợp đồng.

- Xuất HĐ GTGT đồng thời kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 10) tháng 12/2013. Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (Biểu số 09) , sổ cái TK 131(biểu số 10), sổ cái TK 112 (Biểu số 11), sổ chi tiết thanh toán với người mua(Biểu số 12), bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua(biểu số 13).

Biểu số 05: Hợp đồng phục vụ khách lưu trú số 5816 với công ty xăng dầu B12



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 5816/HĐDV

Hạ Long, Ngày 08 tháng 12 năm 2013

**HỢP ĐỒNG
THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ KHO BÃI 2013**

Hợp đồng số: 5816/HĐDV

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2013, chúng tôi gồm có:

Bên A:

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh
- Địa chỉ: Số 2 đường Hạ Long - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại/Fax :(+84.33)3846479/(+84.33)3847666
- TK: 014100000466 tại: Ngân hàng TMCP ngoại thương Vietcombank VN - Tp Hạ Long.
- MST: 5700473716
- Đại diện là Ông(Bà): Hồng Hà Chi - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Là chủ sở hữu của nhà xưởng kho bãi cho thuê: CT52101

Bên B:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Nam Trung
- Địa chỉ: Số 45 Lý Tự Trọng – Phường Hòa Lạc – TP Móng Cái - Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại/Fax :(+84.33)3886812
- TK: 0141000489243 tại: Ngân hàng TMCP ngoại thương Vietcombank VN - Tp Móng Cái.
- MST: 5700446906
- Đại diện là Ông(Bà): Đoàn Thị Lệ Thanh - Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng và kho bãi với nội dung sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê phần diện tích nhà xưởng và kho bãi nằm trên diện tích đất 2500m² thuộc chủ quyền của bên A tại 419 Lê Thánh Tông – Phường Hồng Hải – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Mục đích thuê: dùng làm kho để hàng cao su.

Điều 2: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

2.1. Thời hạn thuê nhà xưởng là 1 năm được tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 đến ngày 01 tháng 08 năm 2014.

2.2. Khi hết hạn hợp đồng, tùy theo tình hình thực tế hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn.

2.3. Trường hợp một trong hai bên ngưng hợp đồng trước thời hạn đã thỏa thuận thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 3 tháng.

2.4. Trong trường hợp Hợp đồng kết thúc trước thời hạn thì Bên A có trách nhiệm hoàn lại toàn bộ số tiền mà Bên B đã trả trước (nếu có) sau khi đã trừ các khoản tiền thuê nhà xưởng; Bên B được nhận lại toàn bộ trang thiết bị do mình mua sắm và lắp đặt (những trang thiết bị này sẽ được hai bên lập biên bản và có bản liệt kê đính kèm).

Điều 3: GIÁ CẢ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Giá thuê kho là: 20.000 đ/m²/tháng (chưa có thuế GTGT 10%), (bằng chữ) Hai

mười ngàn đồng

- Vào ngày 25 hàng tháng bên A xuất hóa đơn cho bên B, bên B sẽ thanh toán tiền cho bên A.

- Bên B thanh toán cho bên A vào cuối mỗi tháng bằng chuyển khoản.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Trách nhiệm bên A:

4.1.1. Bên A cam kết bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B sử dụng mặt bằng hiệu quả.

4.1.2. Bên A bàn giao toàn bộ các trang thiết bị đồ dùng hiện có như đã thỏa thuận ngay sau khi ký kết hợp đồng này (có biên bản bàn giao và phụ lục liệt kê đính kèm).

4.1.3. Bên A cam kết cấu trúc của nhà xưởng được xây dựng là chắc chắn, nếu trong quá trình sử dụng có xảy ra sự cố gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của Bên B; Bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường.

4.1.4. Chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê cho thuê nhà xưởng với cơ quan thuế.

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

4.2.1. Sử dụng nhà xưởng đúng mục đích thuê, khi cần sửa chữa cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng sẽ bàn bạc cụ thể với Bên A.

4.2.2. Thanh toán tiền thuê nhà đúng thời hạn.

4.2.3. Có trách nhiệm về sự hư hỏng, mất mát các trang thiết bị và các đồ đạc tư trang của bản thân.

4.2.4. Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo đúng Pháp luật hiện hành.

4.2.5. Thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong kinh doanh (ngoài tiền thuê nhà xưởng ghi ở Điều 3) như tiền điện, điện thoại, thuế kinh doanh... đầy đủ và đúng thời hạn.

Điều 5: CAM KẾT CHUNG

Sau khi Bên B được các cơ quan chức năng cho phép đặt xưởng sản xuất tại địa điểm như ghi tại Điều 1 trên đây, Bên B cam kết vẫn tiếp tục thực hiện các điều khoản đã ký với HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ GIA CÔNG ĐẶT HÀNG được lập tại Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân Thành Phố Hạ Long. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này có giá trị ngay sau khi Hai bên ký kết và được Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh 01 chứng nhận và được lập thành 03 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu tại Phòng công chứng theo quy định.

TP Hạ Long, ngày 01 tháng 12 năm 2013

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Biểu số 06: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0008299**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH**

Quangninh shipchanler joint – stock corporation

Số 2 đường Hạ Long - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Tel:(+84.33)3846479

Fax: (+84.33)3847666

Mã số thuế: 5700473716

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

0008299

Nơi xuất: Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh

Địa chỉ: Số 2 đường Hạ Long - Thành Phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.....

Khách hàng:

Đơn vị: công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Nam Trung.....

Địa chỉ: Số 45 Lý Tự Trọng – Phường Hòa Lạc – TP Móng Cái - Tỉnh Quảng Ninh. .

Mã số thuế: 5700446906

Hình thức thanh toán:CK.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thuê kho	m2	2500m2	20.000	50.000.000
Cộng tiền hàng					50.000.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			5.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					55.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng


(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Biểu số 07: GBC của Ngân hàng Vietcombank về việc thu tiền dịch vụ ty xăng dầu B12 còn lại của công ty tại Khách sạn Bạch Đằng

	Vietcombank	GIẤY BÁO CÓ	
	Hạ Long – QN	Ngày 08/12/2013	Mã GDV Mã HSKH 4931412 Số GD:
Kính gửi:	Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh		
MST:	5700473716		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0141000000466		
Số tiền bằng số:	20.885.000		
Số tiền bằng chữ:	Hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng.		
Nội dung:	Công ty xăng dầu B12 thanh toán tiền phòng nghỉ.		
Giao dịch viên	Kiểm soát		

Biểu số 08: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU
BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013(Trích)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyên sang				
		
05/12	GBC	05/12	CT xăng dầu B12 đặt trước tiền phòng nghỉ và sử dụng DV bằng CK	112		20.000.000	
					131		20.000.000
		
08/12	HD0007 095	08/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê phòng nghỉ CT xăng dầu B12.	131		40.885.000	
					511		37.168.182
					3331		3.716.818
08/12	GBC	08/12	CT xăng dầu B12 TT phân còn lại theo hóa đơn	112		20.885.000	
					131		20.885.000
08/12	Bảng tính Z	08/12	Giá vốn phòng nghỉ Công ty xăng dầu B12	632		30.062.800	
					154		30.062.800
		
25/12	HD0008 299	25/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê kho tháng 12 CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung	131		55.000.000	
					511		50.000.000
					3331		5.000.000
25/12	Bảng PB Khấu hao	25/12	Giá vốn thuê kho tháng 12 CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung	632		35.000.000	
					214		35.000.000
		
			Cộng SPS			780.960.438.500	780.960.438.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 09: Trích Sổ cái TK 511 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

BIỂN QUẢNG NINH

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
		
08/12	HĐ0007 095	08/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê phòng nghỉ CT xăng dầu B12.	131		37.168.182
		
25/12	HĐ0008 299	25/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê kho tháng 12 CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung.	131		50.000.000
		
31/12	KC 12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	96.987.868.658	
			Cộng SPS		96.987.868.658	96.987.868.658
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 10: Trích Sổ cái TK 131 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU
BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 131

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>1.607.877.792</u>	
		
05/12	GBC	05/12	Công ty xăng dầu B12 đặt trước tiền phòng nghỉ và sử dụng DV bằng CK	112		20.000.000
		
08/12	HĐ0007 095	08/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê phòng nghỉ CT xăng dầu B12 .	511	37.168.182	
				3331	3.716.818	
08/12	GBC	08/12	Công ty xăng dầu B12 TT phần còn lại bằng CK	112		20.885.000
		
25/12	HĐ0008 299	25/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê kho tháng 12 CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung TT.	511	50.000.000	
				3331	5.000.000	
		
			Cộng SPS		6.641.325.890	4.317.354.616
			Số dư cuối kỳ		<u>3.931.849.066</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 11: Trích Sổ cái TK 112 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

BIỂN QUẢNG NINH

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>8.256.573.130</u>	
		
05/12	GBC	05/12	Công ty xăng dầu B12 đặt trước tiền phòng nghỉ và sử dụng DV bằng CK	131	20.000.000	
		
08/12	GBC	08/12	Công ty xăng dầu B12 TT phần còn lại bằng CK	131	20.885.000	
		
			Cộng SPS		<u>30.089.273.550</u>	<u>28.310.157.879</u>
			Số dư cuối kỳ		<u>10.035.688.819</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Biểu số 12: Sổ chi tiết thanh toán với người mua là Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Nam Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH

Mẫu số S31 - DN

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đối tượng: Công ty CPTM XNK Nam Trung

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	T/hạn được CK	SPS		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					-	
			SPS trong tháng						
25/12	HĐ0008299	25/12	Cho CT CPTM XNK Nam Trung thuê kho chứa TT	511		55.000.000		55.000.000	
			Cộng SPS			55.000.000	-		
			Số dư cuối tháng					<u>55.000.000</u>	

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 13: Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH

Mẫu số S31 - DN

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu tháng		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn	-		72.238.430	50.000.000	22.238.430	
2	Công ty TNHH MTV Xuân Lâm	45.960.000		-	20.960.000	25.000.000	
3	Công ty CPTM XNK Nam Trung	-		55.000.000	-	55.000.000	
4	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Vũ	80.000.000			73.129.000	-	
	
	Cộng số phát sinh	<u>1.607.877.792</u>		<u>6.641.325.890</u>	<u>4.317.354.616</u>	<u>3.931.849.066</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

- Để tổng hợp giá vốn số hàng đã xuất bán kế toán căn cứ vào số ghi trên bảng tổng hợp giá thành của thành phẩm để xác định giá vốn của thành phẩm đã xuất. Giá vốn của thành phẩm tiêu thụ được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

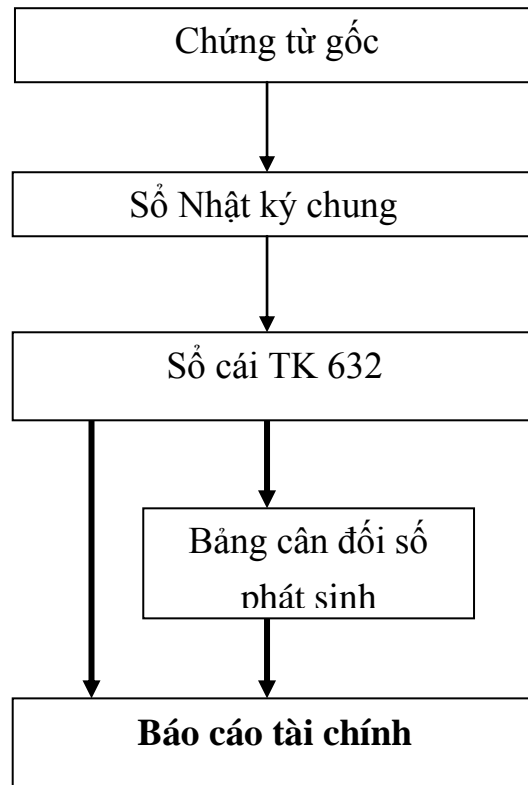
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn mua hàng.
- Bảng tổng hợp giá thành.
- Biên bản bàn giao.
- Bảng tổng hợp quyết toán.

2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

- TK 154.
- TK 214
- TK 632.
- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632 và các Tk có liên quan khác.

❖ **Trình tự hạch toán doanh thu:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng kế toán dựa trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái TK 632. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa về giá vốn hàng bán:

Ví dụ 03: Ngày 17/12/2013, công ty tập hợp chi phí các loại dịch vụ mà khách hàng sử dụng để tính giá thành dịch vụ ăn nghỉ cho công ty xăng dầu B12.

- Sau khi kết thúc hợp đồng, kế toán sẽ tiến hành xác định giá vốn dịch vụ ăn nghỉ cho công ty xăng dầu B12.

- Trong kỳ, kế toán tiến hành tập hợp tất cả các chi phí liên quan đến quá trình khách thuê phòng tại khách sạn bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được lấy từ tổng cộng các nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động ăn uống và phòng nghỉ trong Bảng tổng hợp chi phí hàng hóa, dịch vụ bán ra; chi phí nhân công trực tiếp được lấy từ Bảng thanh toán lương hay Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các phòng ban thực hiện dịch vụ cho công ty xăng dầu B12; chi phí sản xuất chung lấy từ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng phân bổ các chi phí. Sau đó, kế toán làm nhiệm vụ tính giá thành sẽ tập hợp lại để tính ra giá thành ăn nghỉ của công ty xăng dầu B12 .

- Trước tiên, để tính giá vốn kế toán tập hợp hết tất cả chi phí trực tiếp bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung để lập bảng giá thành chi phí hàng hóa, dịch vụ bán ra. Dựa vào bảng tổng hợp giá thành sản phẩm (Biểu số 14), kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 15) và cái TK 632 (Biểu số 16).

Ví dụ 04: Ngày 25/12/2013, công ty tập hợp chi phí các loại dịch vụ mà khách hàng sử dụng để tính giá vốn cho thuê kho cho Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Nam Trung với số tiền 35.000.000

- Kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 15) và cái TK 632 (Biểu số 16).

Biểu số 14: Trích Bảng tổng hợp giá thành sản phẩm tháng 12/2013
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

Tháng 12 năm 2013

Đối tượng: Nhà hàng, khách sạn

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Mã SP	Tên công ty	Chi phí DD ĐK	Chi phí phát sinh trong kỳ			Cộng chi phí	Giá thành hàng hóa, dịch	Chi phí DD CK
				CP NVL	CP nhân công	CP SXC			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

4	ăn nghỉ	Công ty xăng dầu B12		17.288.494	9.249.310	3.524.996	30.062.800	30.062.800	
5	ăn nghỉ	Công ty TNHH MTV dịch vụ lữ hành Saigontourist tại Quảng Ninh		5.771.910	3.636.150	1.348.330	10.756.390	10.756.390	
	
		Cộng		<u>2.543.902.884</u>	<u>761.108.308</u>	<u>546.728.936</u>	<u>3.978.630.660</u>	<u>3.978.630.660</u>	
Người lập biểu <i>(Ký, họ tên)</i>					<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i> Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>				

Biểu số 15: Trích sổ nhật ký chung 12/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU
BIÊN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013(Trích)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
		
05/12	GBC	05/12	CT xăng dầu B12 đặt trước tiên phòng nghỉ và sử dụng DV bằng CK	112		20.000.000	
					131		20.000.000
		
08/12	HĐ0070 95	08/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê phòng nghỉ CT xăng dầu B12.	131		40.885.000	
					5112		37.168.182
					3331		3.716.818
08/12	GBC	08/12	CT xăng dầu B12 TT phân còn lại theo hóa đơn	112		20.885.000	
					131		20.885.000
08/12	Bảng tính Z	08/12	Giá vốn phòng nghỉ Công ty xăng dầu B12	632		30.062.800	
					154		30.062.800
		
25/12	HĐ0008 299	25/12	Hạch toán DT từ việc cho thuê kho tháng 12 CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung.	131		55.000.000	
					511		50.000.000
					3331		5.000.000
25/12	Bảng PB khâu hao	25/12	Giá vốn thuê kho tháng 12 của CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung	632		35.000.000	
					214		35.000.000
		
			Cộng SPS			780.960.438.500	780.960.438.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 16: Trích Sổ cái TK 632 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b – DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
		
08/12	Bảng tính Z	08/12	Giá vốn phòng nghỉ Công ty xăng đầu B12	154	30.062.800	
			
25/12	Bảng PB khấu hao	25/12	Giá vốn thuê kho tháng 12 của CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung	214	35.000.000	
					
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		79.322.131.740
			Cộng SPS		<u>79.322.131.740</u>	<u>79.322.131.740</u>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Nhân viên phòng kế toán vừa làm công tác kế toán vừa làm công tác bán hàng.

- Các chi phí phát sinh căn cứ rõ ràng để phân bổ thành chi phí bán hàng hay chi phí quản lý doanh nghiệp.

- chi phí bán hàng là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng hay để bán được hàng (chi phí quảng cáo, trả hoa hồng bán hàng...) hoặc chi phí phân phối. Chi phí bán hàng là một trong những dạng của chi phí hoạt động và là chi phí phải chi thường xuyên.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng**a, Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi.
- Hoá đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,....

b, Tài khoản sử dụng:

- TK 641 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641 và các Tk có liên quan khác.

2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**a, Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi.
- Hoá đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,....

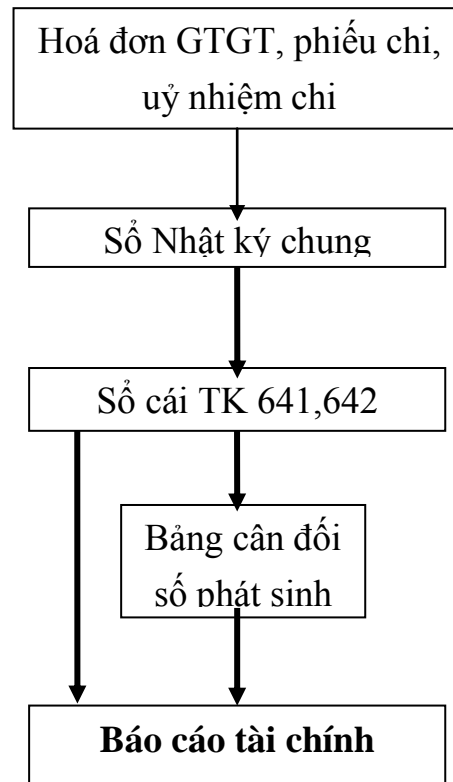
b, Tài khoản sử dụng:

- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

c, sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các Tk có liên quan khác.

❖ **Trình tự hạch toán kế toán chi phí chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ minh họa về chi phí bán hàng:

Ví dụ 05: Ngày 16/12/2013, công ty thanh toán tiền chi phí quảng cáo trên trang báo mạng dantri.com.vn phục vụ bán hàng bằng tiền mặt với số tiền thanh toán 9.350.000VNĐ (gồm VAT 10%) cho công ty quảng cáo tiếp thị Liên Việt.

- Khi kế toán nhận được hóa đơn tiền quảng cáo trên trang báo mạng , làm thủ tục xuất phiếu chi thanh toán khoản tiền trên. Sau khi thực hiện hoạt động chi tiền , kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 22). Đồng thời lấy số liệu đó ghi sang sổ cái TK 641 (Biểu số 23), Sổ cái TK111 và sổ quỹ tiền mặt.

Biểu số 17: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0008109

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/13P			
Liên 2: Giao cho khách hàng		0008109			
Ngày 16 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công quảng cáo tiếp thị Liên Việt					
Địa chỉ: Số 33 - Trần Hưng Đạo - Cột 5 – Hòn Gai - Hạ Long - Quảng Ninh.					
Mã số thuế: Điện thoại: 0333.846281					
Số tài khoản: Ngân hàng:					
Họ tên người mua hàng: Vũ Thị Nga.					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.					
Địa chỉ: Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh.					
Số tài khoản: Ngân hàng:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.			Mã số thuế: 5700473716		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Chi phí tiếp thị quảng cáo trên báo mạng	gói	1	8.500.000	8.500.000
Cộng tiền hàng					8.500.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			850.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.350.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

Biểu số 18: Phiếu chi số 3153 ngày 08/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG

Mẫu số 02 – TT

TÀU BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Quyển: 23

Số: 3153

Nợ: TK 641

Nợ: TK 133

Có: TK 111

Người nhận tiền: **Nguyễn Thị Việt.**

Địa chỉ: Phòng kế toán tài chính.

Lý do chi: Thanh toán tiền thuê tiếp thị quảng cáo trên báo mạng.

Số tiền: 9.350.000. (Viết bằng chữ): **Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.**


Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT0008109.

Ví dụ minh họa về chi phí quản lý doanh nghiệp:

Ví dụ 05: Ngày 10/12/2013, công ty thanh toán tiền điện tháng 11 phục vụ quản lý bằng chuyển khoản với số tiền thanh toán 77.157.937VNĐ (gồm VAT 10%).

- Khi kế toán nhận được hóa đơn tiền điện, làm thủ tục ủy nhiệm cho ngân hàng thanh toán khoản tiền trên. Sau khi ngân hàng thực hiện hoạt động chi tiền và gửi GBN (Biểu số 19) về cho công ty, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 22). Đồng thời lấy số liệu đó ghi sang sổ cái TK 642 (Biểu số 24), Sổ cái TK112 và sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng để theo dõi đối chiếu.

Biểu số 19: GBN của Vietcombank về việc chi tiền điện tháng 11

	Vietcombank	GIẤY	BÁO
	Hạ Long-QN	NỢ	Mã GDV
		Ngày	
		10/12/2013	
			Mã HSKH 4931412
			Số GD:
Kính gửi:	Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh		
MST	: 5700473716		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0141000000466		
Số tiền bằng số:	77.157.937		
Số tiền bằng chữ:	bảy năm triệu một trăm sáu tám nghìn tám trăm hai lăm đồng		
Nội dung:	Thanh toán tiền điện cho công ty điện lực Quảng Ninh		
	Giao dịch viên		Kiểm soát

Ví dụ 06: Ngày 20/12/2013, ông Phạm Bá Trung thanh toán tiền tiếp khách bằng tiền mặt, số tiền 4.400.000đ (gồm VAT 10%).

- Sau khi nhận được HĐ GTGT (Biểu số 20) do ông Phạm Bá Trung đưa lên, kế toán viết phiếu chi (Biểu số 21) thanh toán khoản tiền chi tiếp khách trong hóa đơn. Từ đó, kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 22). Đồng thời ghi sang sổ cái TK 642 (Biểu số 24).

Biểu số 20: Hoá đơn giá trị gia tăng số 008216

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/13P		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Số: 0008216		
Ngày 20 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công ty Anh Huyền					
Địa chỉ: Ngõ 3 - Hồng Hà - Hạ Long.					
Mã số thuế: Điện thoại: 0333.846.663					
Số tài khoản: Ngân hàng:					
Họ tên người mua hàng: Phạm Bá Trung.					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.					
Địa chỉ: Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh.					
Số tài khoản: Ngân hàng:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.			Mã số thuế: 5700473716		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Ăn uống	suất	10	400.000	4.000.000
Cộng tiền hàng					4.000.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			400.000
Tổng cộng tiền thanh toán					4.400.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng./</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 21: Phiếu chi số 3295 ngày 16/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG

Mẫu số 02 – TT

TÀU BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Quyển: 23

Số: 3295

Nợ: TK 642

Nợ: TK 133

Có: TK 111

Người nhận tiền: **Phạm Bá Trung.**

Địa chỉ: Văn phòng.

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách.

Số tiền: 4.400.000. (Viết bằng chữ): **Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT0232816.

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 22: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03a - DN

BIÊN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013(Trích)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
		
10/12	GBN	10/12	Thanh toán tiền điện tháng 11	642		70.143.579	
				133		7.014.358	
					112		77.157.937
		
16/12	PC889	16/12	Chi phí tiếp thị Quảng cáo trên báo mạng	641		8.500.000	
				133		850.000	
					111		9.350.000
		
20/12	PC923	20/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642		4.000.000	
				133		400.000	
					111		4.400.000
		
23/12	GBC	23/12	NH Vietcombank trả lãi tiền gửi	112		1.332.591	
					515		1.332.591
		
			Cộng SPS			<u>780.960.438.500</u>	<u>780.960.438.500</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 23: Trích Sổ cái TK 641 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b - DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
			
16/12	PC889	16/12	Thanh toán tiền quảng cáo tiếp thị trên báo mạng BPBH	111	8.500.000	
			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển chi phí BH	911		661.237.796
			Cộng SPS		<u>661.237.796</u>	<u>661.237.796</u>
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 24: Trích Sổ cái TK 642 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU
BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
			
08/12	PC497	08/12	Thanh toán tiền mực in và giấy in cho BP QLDN	111	957.000	
			
10/12	GBN	10/12	Thanh toán tiền điện T11	112	77.157.937	
			
16/12	PC923	16/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	4.400.000	
			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		3.446.508.319
			Cộngng SPS		<u>3.446.508.319</u>	<u>3.446.508.319</u>
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính.**2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chậm trả của khách hàng.

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng.
- Sổ cái TK 515.
- Các chứng từ sổ sách liên quan khác.....

b, Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

c, Quy trình hạch toán

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, 112. Cuối kỳ kế chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính của công ty là chi phí lãi vay.

a. Chứng từ kế toán sử dụng

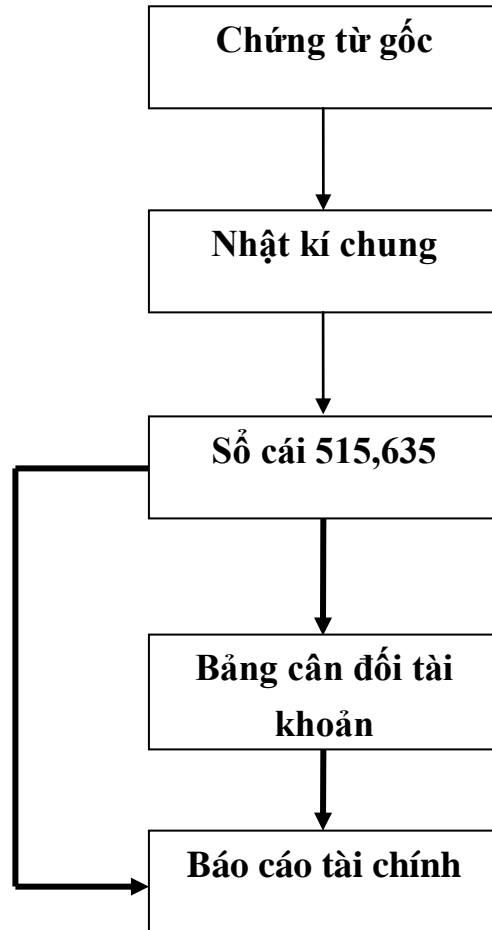
- Giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Sổ cái TK 635.
- Các chứng từ sổ sách liên quan khác...

b. Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635 - Chi phí tài chính.

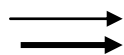
c. Quy trình hạch toán

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 635, 112. Cuối kỳ kế chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Trình tự hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động tài chính.**



Ghi chú:



Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ


Ví dụ minh họa:

Ví dụ minh họa về doanh thu hoạt động tài chính:

***Ví dụ 12:* Ngày 25/12/2013 nhận được lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Vietcombank là 1.332.591đ.**

- Khi nhận được GBC (Biểu số 25) của ngân hàng thông báo về lãi TGNH, kế toán căn cứ vào GBC hạch toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 27), sau đó tập hợp số liệu để vào sổ cái TK 515 (Biểu số 28).

Biểu số 25: GBC của ngân hàng thông báo về việc lãi TGNH


	Vietcombank	GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV
	Hạ Long-QN	Ngày 25/12/2013	Mã HSKH 4931412 Số GD:
Kính gửi:	Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh		
MST	5700473716		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0141000000466		
Số tiền bằng số:	1.332.591		
Số tiền bằng chữ:	Một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm chín một nghìn đồng.		
Nội dung:	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12.		
	Giao dịch viên		Kiểm soát

Ví dụ minh họa về chi phí tài chính:

Ví dụ 08: Ngày 31/12/2013, Ngân hàng Vietcombank gửi giấy báo nợ về lãi tiền vay của công ty với số tiền là 4.413.645đ.

- Khi nhận được GBN (Biểu số 26) của ngân hàng thông báo về lãi TGNH, kế toán căn cứ vào GBN hạch toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 27), sổ cái TK 635 (Biểu số 29).

Biểu số 26: GBN của ngân hàng thông báo về việc thu lãi tiền vay NH

	Vietcombank	GIẤY BÁO NỢ	Mã GDV
	Hạ Long-QN	Ngày 31/12/2013	Mã HSKH 4931412 Số GD:
Kính gửi:	Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh		
MST	5700473716		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0141000000466		
Số tiền bằng số:	4.413.645		
Số tiền bằng chữ:	Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm bốn năm đồng.		
Nội dung:	Thu lãi tiền vay của CTCP cung ứng tàu biển Quảng Ninh tháng 12.		
	Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 27: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU
BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013(Trích)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
		
19/12	GBN	19/12	NH Vietcombank thu lãi tiền vay	635		4.413.645	
					112		4.413.645
		
23/12	GBC	23/12	NH Vietcombank trả lãi tiền gửi	112		1.332.591	
					515		1.332.591
		
			Cộng SPS			<u>780.960.438.500</u>	<u>780.960.438.500</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 28: Trích Sổ cái TK 515 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

BIỂN QUẢNG NINH

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
.....
23/12	GBC	23/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12	112		1.332.591
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	39.808.737	
			Cộng SPS		<u>39.808.737</u>	<u>39.808.737</u>
			SDĐK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29: Trích Sổ cái TK 635 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU
BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
.....
19/12	GBC	19/12	NH thu lãi tiền vay tháng 7	112	4.413.645	
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		132.990.490
			Cộng SPS		<u>132.990.490</u>	<u>132.990.490</u>
			SDDK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

2.2.6.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác

2.2.6.1.1. Tài khoản sử dụng: TK 711: "Thu nhập khác"

2.2.6.1.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Phiếu thu.

2.2.6.1.3 Nội dung thu nhập khác tại công ty: Thu do thanh lý TSCĐ.

Bán phế liệu.

2.2.6.2. Tổ chức kế toán chi phí khác

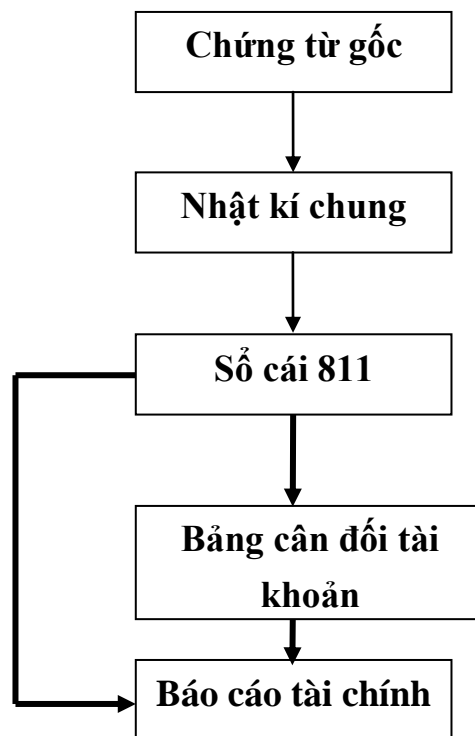
2.2.6.2.1. Tài khoản sử dụng: TK 811: "Chi phí khác"

2.2.6.2.2. Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán. Phiếu chi.

2.2.6.2.3. Nội dung chi phí khác tại công ty:

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ. Các khoản chi phí khác.

❖ Trình tự hạch toán kế toán doanh thu khác, chi phí khác.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ

Biểu số 31: Phiếu thu số 5155 ngày 11/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh		Mẫu số 01 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU THU				
Ngày 11 tháng 12 năm 2013				
		Quyển số: 35 Số: 5155 Nợ: TK 111 Có: TK 711 Có: TK 3331		
Họ và tên người nộp tiền: Đàm Quang Vinh.		- Địa chỉ: Phòng kho quan ngoại.		
Lý do nộp: Thu tiền thanh lý Máy tính để bàn Dell Inspiron One 2350 MONS1405368.				
Số tiền: 5.000.000 (viết bằng chữ): Năm triệu đồng chẵn.				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.				
Ngày 11 tháng 12 năm 2013				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

Biểu số 32: Phiếu chi số 3246 ngày 11/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh		Mẫu số 02 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI				
Ngày 11 tháng 12 năm 2013				
		Quyển số: 23 Số: 3246 Nợ: TK 811 Nợ: TK 133 Có: TK 111		
Người nhận tiền: Đỗ Việt Hùng.		- Địa chỉ: Lái xe.		
Lý do chi: Thanh toán tiền vận chuyển Máy tính để bàn Dell Inspiron One 2350 MONS1405368..				
Số tiền: 220.000 (Viết bằng chữ): Hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.				
Ngày 11 tháng 12 năm 2013				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

Biểu số 33: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 12/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU
BIỂN QUẢNG NINH**

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013(Trích)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
		
11/12	PT5155	11/12	DT bán Máy tính để bàn Dell Inspiron One 2350 MONS1405368	112		5.000.000	
					711		4.545.455
					3331		454.545
11/12	PC3246	11/12	Chi tiền vận chuyên Máy tính để bàn Dell Inspiron One 2350 MONS1405368	811		200.000	
				133		20.000	
					111		220.000
11/12	BBTL06	11/12	Xóa sổ TSCĐ Máy tính để bàn Dell Inspiron One 2350 MONS1405368	214		17.886.750	
				811		5.962.250	
					211		23.849.000
		
			Cộng SPS			<u>780.960.438.500</u>	<u>780.960.438.500</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 34: Trích Sổ cái TK 711 tháng 12/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
TÀU BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
			
11/12	PT5155	11/12	Thu tiền nhượng bán tài sản cố định	112	4.545.455	
			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911		370.961.802
			Cộng SPS		<u>370.961.802</u>	<u>370.961.802</u>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 35: Trích sổ cái TK 811 tháng 12/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
TÀU BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
			
11/12	PC3246	11/12	Chi tiền vận chuyển tài sản cố định	111	200.000	
11/12	BBTL06	11/12	KC giá trị còn lại Máy tính để bàn Dell Inspiron One 2350 MONS1405368	211	5.962.250	
			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		230.524.760
			Cộngng SPS		<u>230.524.760</u>	<u>230.524.760</u>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận từ HĐKD} &= \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí QLDN} - \text{Chi phí BH} \\ \text{Lợi nhuận gộp} &= \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} \end{aligned}$$

❖ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

❖ Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, Kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh tháng 12/2013:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	96.987.868.658
- Giá vốn hàng bán	=	79.322.131.740
- Doanh thu thuần	=	17.665.739.918
- Doanh thu hoạt động tài chính	=	39.808.737
- Chi phí tài chính	=	132.990.490
- Doanh thu hoạt động tài chính	=	61.845.270
- Chi phí bán hàng	=	661.237.796
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	=	3.446.508.319

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	13.464.809.050
- Thu nhập khác	=	370.961.802
- Chi phí khác	=	230.524.760
- Lợi nhuận khác	=	140.437.042
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	13.605.246.092
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	=	3.401.311.523
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	10.203.934.569

2.2.7.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.

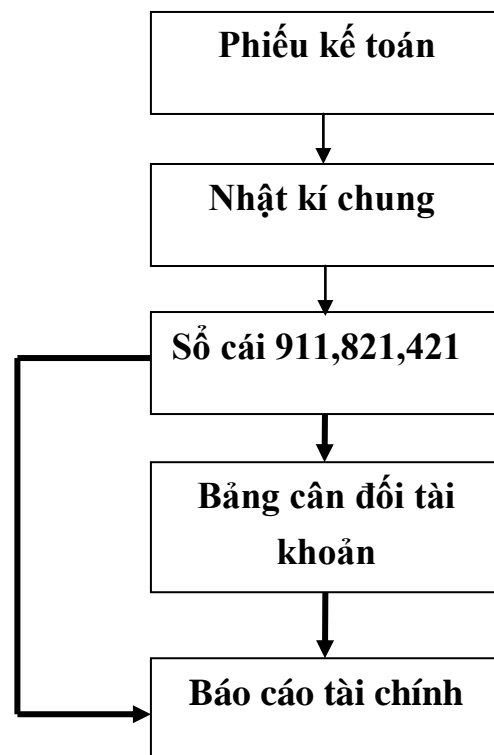
a. Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

b. Tài khoản sử dụng :

- TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 8211- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay. Các TK liên quan khác

c. Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 911. 8211. 4212.....

❖ **Trình tự hạch toán kế toán Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**



Ghi chú:

 Ghi hàng ngày
 Ghi định kỳ

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, Kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh của CTCP cung ứng tàu biển Quảng Ninh năm 2013:

Biểu số 36: Phiếu kế toán

Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh Số 2 - Đường Hạ Long - Hạ Long - QN PHIẾU KẾ TOÁN Số : 83 Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	96.987.868.658
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	39.808.737
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	370.961.802
Cộng				97.398.639.197
Kế toán trưởng		Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Người lập phiếu		

Biểu số 37: Phiếu kế toán

Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh Số 2 - Đường Hạ Long - Hạ Long - QN PHIẾU KẾ TOÁN Số : 84 Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	79.322.131.740
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	661.237.796
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	132.990.490
4	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	3.446.508.319
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	230.524.760
Cộng				83.793.393.105
Kế toán trưởng		Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Người lập phiếu		

Biểu số 38: Phiếu kế toán

<p>Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh Số 2 - Đường Hạ Long - Hạ Long - QN PHIẾU KẾ TOÁN Số : 85 Ngày 31 tháng 12 năm 2013</p>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211	3334	3.401.311.523
2	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	3.401.311.523
	Cộng			3.401.311.523
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Kế toán trưởng			Người lập phiếu	

Biểu số 39: Phiếu kế toán

<p>Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh Số 2 - Đường Hạ Long - Hạ Long - QN PHIẾU KẾ TOÁN Số : 86 Ngày 31 tháng 12 năm 2013</p>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	10.203.934.569
	Cộng			10.203.934.569
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Kế toán trưởng			Người lập phiếu	

Biểu số 40: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03a - DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013(Trích)

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
		
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		96.987.868.658	
				515		39.808.737	
				711		370.961.802	
					911		97.398.639.197
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí	911		83.793.393.105	
					632		79.322.131.740
					635		132.990.490
					641		661.237.796
					642		3.446.508.319
					811		230.524.760
31/12	PKT	31/12	Xác định thuế TNDN	8211		3.401.311.523	
					3334		3.401.311.523
31/12	PKT	31/12	K/c Thuế TNDN	911		3.401.311.523	
					8211		3.401.311.523
31/12	PKT	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	911		10.203.934.569	
					4212		10.203.934.569
			Cộng SPS			<u>780.960.438.500</u>	<u>780.960.438.500</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 41: Trích Sổ cái TK 911 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
TÀU BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
...
31/12	PKT	31/12	K/c DTBH và CCDV	511		96.987.868.658
31/12	PKT	31/12	K/c doanh thu HĐTC	515		39.808.737
31/12	PKT	31/12	K/c doanh thu khác	711		370.961.802
31/12	PKT	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	79.322.131.740	
31/12	PKT	31/12	K/c CP tài chính	635	132.990.490	
31/12	PKT	31/12	K/c CP BH	641	661.237.796	
31/12	PKT	31/12	K/c CP QLDN	642	3.446.508.319	
31/12	PKT	31/12	K/c chi phí khác	811	230.524.760	
31/12	PKT	31/12	K/c thuế TNDN	8211	3.401.311.523	
31/12	PKT	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	4212	10.203.934.569	
			Cộng SPS		97.398.639.197	97.398.639.197
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 42: Trích sổ cái TK 821 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
TÀU BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
		
31/12	PKT	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	3.401.311.523	
		
30/09	PKT	30/09	K/c thuế TNDN	911		3.401.311.523
			Cộngng SPS		<u>3.401.311.523</u>	<u>3.401.311.523</u>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 43: Trích sổ cái TK 3334 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
TÀU BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2013(Trích)

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Số hiệu: 3334

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
		
31/12	PKT	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	3.401.311.523	
		
30/09	PKT	30/09	K/c thuế TNDN	911		3.401.311.523
			Cộngng SPS		<u>3.401.311.523</u>	<u>3.401.311.523</u>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 44: Trích Sổ cái TK 421 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
TÀU BIỂN QUẢNG NINH**
Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

năm 2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
		
31/12	PKT	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	911		10.203.934.569
			Cộng SPS		<u>10.203.934.569</u>	<u>10.203.934.569</u>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 45: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b – DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/12/2013 đến ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	96.987.868.658	83.885.857.911
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	79.322.131.740	67.910.807.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.665.739.918	15.945.050.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	39.808.737	37.059.389
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	132.990.490	131.818.908
- Trong đó lãi vay	23		61.845.270	58.737.500
8. Chi phí bán hàng	24		661.237.796	626.454.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.446.508.319	3.223.549.684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		13.464.809.050	12.000.286.643
11. Thu nhập khác	31		370.961.802	290.889.154
12. Chi phí khác	32		230.524.760	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		140.437.042	290.889.154
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.605.246.092	12.291.175.797
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3.401.311.523	3.072.793.949
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.203.934.569	9.218.381.848
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

CHƯƠNG 3:**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU BIỂN QUẢNG NINH****3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP cung ứng tàu biển Quảng Ninh.****3.1.1. Ưu điểm****❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp:**

- Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy nên công tác tổ chức kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý.

❖ Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều trong các phần mềm kế toán trên máy tính.

❖ **Về việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.**

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

Việc cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh vẫn còn có những hạn chế nhất định:

✓ **Chưa ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán.**

Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

✓ **Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty.

✓ **Chưa lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng**

Công ty chưa tiến hành lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho tài khoản 632 và sổ chi tiết doanh thu bán hàng cho tài khoản 511 làm cho công ty không theo

đổi được cụ thể chi tiết giá vốn, doanh thu của từng mặt hàng trong tài khoản 632 và tài khoản 511.

✓ **Chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Nợ khó đòi là khoản công nợ có tuổi nợ cao nhưng chưa có khả năng thu hồi, hoặc hồ sơ công nợ còn tranh chấp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CTCP cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả KD tại công ty .

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng chế độ tài chính, chế độ kế toán.
- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm KD của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu của quản lý.
- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế

toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh.

3.3.1. Giải pháp lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho tài khoản 632 và tài khoản 511.

Lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định rõ chi tiết giá vốn, doanh thu của từng mặt hàng để thấy được mặt hàng nào tiêu thụ nhiều và hiệu quả kinh tế cao, từ đó giúp công ty có những phương án kinh doanh hiệu quả nhất.

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn và phiếu xuất kho, kế toán hạch toán giá vốn vào sổ nhật kí chung đồng thời ghi nhận vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

Em xin đưa mẫu sổ chi tiết DT bán hàng và cung cấp dịch vụ, GVHB (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) như sau:

Biểu số 46: Sổ chi tiết bán hàng tháng 12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b – DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên dịch vụ: Nhà hàng, khách sạn

Năm 2013

Quyển số: 23

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			...
05/12	HD0007 095	05/12	XĐ DT cho thuê phòng nghỉ CT xăng dầu B12.	131		37.168.182
		
31/12	KC 12	31/12	Kết chuyển doanh thu nhà hàng, khách sạn	911	4.812.795.350	
			Cộng SPS		4.812.795.350	4.812.795.350
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 47: Sổ chi tiết bán hàng tháng 12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b – DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên dịch vụ: Thuê kho bãi

Năm 2013

Quyển số: 24

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
		
25/12	HD0008 299	25/12	XĐ Dthu cho thuê kho	131		50.000.000
		
31/12	KC 12	31/12	Kết chuyển doanh thu nhà hàng, khách sạn	911	1.750.226.168	
			Cộng SPS		1.750.226.168	1.750.226.168
			Số dư cuối kỳ			

Biểu số 48: Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng tháng 12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b – DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG

Tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Số dư đầu kỳ: 0

STT	SHTK	NỘI DUNG	SỐ PHÁT SINH	
			NỢ	CÓ
1	5113	DT từ dịch vụ khách sạn	4.812.795.350	4.812.795.350
2	5113	DT từ cho thuê kho bãi	1.750.226.168	2.750.226.168
3	5113	DT từ dịch vụ thương mại vận chuyển HH	990.043.154	990.043.154
4	5113	DT từ dịch vụ bảo vệ môi trường	592.824.925	592.824.925
		TỔNG SỐ PHÁT SINH	8.145.889.600	8.145.889.600

Số dư cuối kỳ: 0

Biểu số 49: Sổ chi tiết giá vốn ăn nghỉ tháng 12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b – DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Tên dịch vụ: Nhà hàng, khách sạn

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		-	-
		
08/12	Bảng tính Z	08/12	Giá vốn phòng nghỉ Công ty xăng dầu B12	154	30.062.800	
			
25/12	Tập hợp giá vốn	25/12	Giá vốn thuê kho bãi tháng 12 CT CPTM xuất nhập khẩu Nam Trung	214	35.000.000	
					
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển giá vốn nhà hàng, khách sạn	911		3.978.630.660
			Cộng SPS		<u>3.978.630.660</u>	<u>3.978.630.660</u>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 50: Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán tháng 12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG TÀU

Mẫu số S03b – DN

BIỂN QUẢNG NINH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Số 2 - Hạ Long - Quảng Ninh

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Số dư đầu kỳ: 0

STT	SHTK	NỘI DUNG	SỐ PHÁT SINH	
			NỢ	CÓ
1	632	GV từ dịch vụ khách sạn	3.978.630.660	3.978.630.660
2	632	GV từ cho thuê kho bãi	955.322.543	955.322.543
3	632	GV từ dịch vụ thương mại vận chuyển hàng hóa	425.631.250	425.631.250
4	632	GV từ dịch vụ bảo vệ môi trường	250.593.192	250.593.192
		TỔNG SỐ PHÁT SINH	5.610.177.645	5.610.177.645

Số dư cuối kỳ

3.3.2. Giải pháp về việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

CKTT: là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết.

Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

✓ Để xác định mức chiết khấu thanh toán có thể dựa trên các yếu tố:

- Tỷ lệ lãi suất ngân hàng
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức CKTT của doanh nghiệp cùng loại...

Hiện nay, với đặc điểm sản xuất kinh doanh thì công ty có thể lựa chọn 2 yếu tố là thời gian thanh toán tiền hàng và lãi suất của ngân hàng để làm căn cứ để xác định tỷ lệ chiết khấu thanh toán.

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức CKTT và do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô tương tự đồng thời là đối tác của công ty, em xin đưa ra mức chiết khấu thanh toán công ty có thể áp dụng như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn nửa tháng so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ được hưởng CKTT là 0,5% trên tổng giá đã thanh toán.
- Nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn 1 tháng so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ được hưởng CKTT là 1,2% trên tổng giá đã thanh toán.

Mặt khác, khi lãi suất ngân hàng thay đổi công ty sẽ điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp.

✓ Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112.....

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính.

3.3.3. Giải pháp trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Nợ khó đòi là khoản công nợ có tuổi nợ cao nhưng chưa có khả năng thu hồi, hoặc hồ sơ công nợ còn tranh chấp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Giải pháp trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng đem lại hiệu quả kinh tế cao. Quy định và căn cứ trích lập dự phòng theo thông tư số: 228/2009/TT-BTC.

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

3.3.4. Giải pháp về việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại hoá công tác kế toán.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như :

Phần mềm kế toán thương mại smart



Giá: 9.000.000đ

Chức năng kế toán thương mại trong phần mềm kế toán Smart

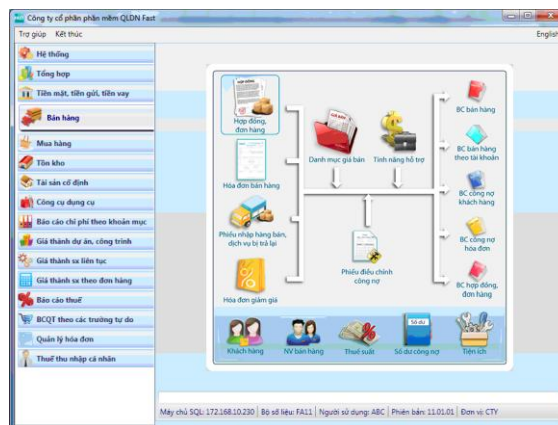
- Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau....
- Phân tích doanh thu theo thời điểm, theo dõi hàng bán bị trả lại, báo cáo

doanh số theo từng nhân viên, lập biểu đồ phân tích doanh số bán hàng...

- Trích khấu hao TSCĐ và CPCPB theo từng bộ phận, theo dõi chi phí theo từng bộ phận tự động.
- Tổng hợp doanh thu và chi phí theo từng mặt hàng, nhóm hàng, từng nhân viên, hợp đồng...
- In báo cáo nhanh theo yêu cầu, in sổ kế toán hàng loạt với 1 thao tác
- Xử lý chênh lệch tỷ giá tự động, in sổ nhật kí mua hàng và bán hàng theo từng ngày...
- Quản lí chiết khấu theo khách hàng, theo mặt hàng...
- Cảnh báo tuổi nợ từng khách hàng, cảnh báo hạn sử dụng từng mặt hàng.

Phần mềm kế toán Fast Accounting: Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



Đơn giá: 6.000.000đ – 8.000.000đ sử dụng cho doanh nghiệp dịch vụ - thương mại

Theo em công ty nên chọn phần mềm SMART PRO 2.5

Vì SMART PRO 2.5 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn các các cô chú phòng Tài chính kế toán của Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh đã giúp đỡ em trong thời gian qua. Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Phạm Văn Tường cùng toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ
Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản tài chính.
2. Thông tư 228/2009/QĐ – BTC ngày 17/12/2009 của Bộ Tài chính.
- 3 Luận văn tốt nghiệp khoá trước.
- 4 Website: Webketoan. com
Website: Tapchiketoan.com
- 5 Và một số tài liệu sổ sách do Công ty cổ phần cung ứng tàu biển Quảng Ninh cung cấp.